

**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

---



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH**  
**GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**  
**KHỐI NGÀNH: KHOA HỌC SỨC KHỎE**  
**NGÀNH: KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*Hải Dương, 2021*

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	4
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	4
2. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	5
2.1. Căn cứ pháp lý .....	5
2.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.....	5
3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	6
3.1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Giá trị cốt lõi của Trường ĐH KT Y tế Hải Dương .....	6
3.1.1. Sứ mạng .....	6
<b>3.1.2. Tâm nhìn</b> .....	6
<b>3.1.3. Giá trị cốt lõi</b> .....	6
3.2. Tâm nhìn – Sứ mạng của Khoa Phục hồi chức năng .....	7
3.2.1. Tâm nhìn .....	7
<b>3.2.2. Sứ mạng</b> .....	8
3.3. Mục tiêu đào tạo.....	9
3.3.1. Mục tiêu chung.....	9
3.3.2. Mục tiêu cụ thể.....	9
4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ... Y HỌC, BẠC ĐẠI HỌC.....	9
5. MA TRẬN ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN .....	9
6. VỊ TRÍ VIỆC LÀM.....	13
7. CƠ HỘI HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ .....	13
8. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....	13
8.1. Thông tin tuyển sinh.....	13
8.2. Quy trình đào tạo.....	14
8.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp.....	14
9. CÁC CTĐT ĐÃ ĐỐI SÁNH:.....	14
10. CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC .....	14
10.1. Chuẩn bị của giảng viên .....	19
10.1. Chuẩn bị của giảng viên .....	19

10.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học .....	19
10.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học .....	22
11. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ .....	22
11.1. Quy trình đánh giá .....	22
11.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	22
11.3. Thang điểm đánh giá: .....	23
<b>PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC (Curriculum).....</b>	<b>23</b>
1. Cấu trúc khối kiến thức .....	23
<b>1.1. Cấu trúc khối kiến thức:</b> Khối lượng kiến thức toàn khóa phải tích lũy 143 tín chỉ và được phân bổ như sau: .....	23
2. Ma trận giữa các khối kiến thức với Chuẩn đầu ra CTĐT.....	24
3. Khung chương trình đào tạo: .....	25
4. Tiến trình đào tạo .....	29
5. Tóm tắt nội dung học phần .....	32
6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH.....	52
6.1. Các môn học chung .....	52
6.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa: .....	52
6.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:.....	52
6.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp: .....	53
6.5. Các chú ý khác .....	53

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỬ NHÂN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*(Kèm theo Quyết định số ...QĐ-ĐHKTYTHD ngày ..... của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)*

**PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng được điều chỉnh năm 2021 là kết quả của rà soát theo thông tư 07/2015 theo kế hoạch rà soát chương trình đào tạo của Trường.

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (các chuyên ngành Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu) được sửa đổi, điều chỉnh và phát triển mới, bắt đầu áp dụng vào khóa học tuyển sinh năm 2021 nhằm mục đích cập nhật kiến thức, chuyên sâu nội dung và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, theo xu hướng đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (các chuyên ngành Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu) được kế thừa từ chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng cũ (chủ yếu đào tạo về Vật lý trị liệu) và đã thống nhất chương trình khung với các trường Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng, Đại học Quốc tế Hồng Bàng) với sự hỗ trợ của các chuyên gia Hội Vật lý trị liệu thế giới và tổ chức Humanity&Inclusion (HI), chương trình được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan và hội nhập Quốc tế.

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (chuyên ngành Hoạt động trị liệu) được kế thừa từ chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng và đã thống nhất chương trình khung với các trường Đào tạo Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh) với sự hỗ trợ của các chuyên gia đại học Manipal Ấn Độ và tổ chức MCNV, chương trình được phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan và hội nhập Quốc tế.

Chương trình đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu) được kế thừa từ chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng và được chia sẻ từ chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (chuyên ngành Ngôn ngữ trị liệu) của Đại học kỹ thuật Y- Dược Đà Nẵng với sự hỗ trợ của các chuyên gia về lĩnh vực Ngôn ngữ trị liệu của Australia (Tổ chức Trinh Foundation) và tổ chức Ủy ban y tế Việt Nam - Hà Lan (MCNV), chương trình được xây dựng, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan và hội nhập Quốc tế.

Sinh viên học tập tại Khoa Phục hồi chức năng được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ về chăm sóc sức khỏe và nghề nghiệp, để trở thành một Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có chất lượng cao và đảm trách được các công việc trong lĩnh vực Kỹ thuật Phục hồi chức năng. Vì vậy, Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng

(ba chuyên ngành) trình độ đại học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành chuyên sâu để thực hiện kỹ thuật Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu. Quá trình làm việc thường xuyên tiếp xúc với người bệnh, người nhà người bệnh, cán bộ, nhân viên y tế, cộng đồng, thực hiện các kỹ thuật can thiệp, tư vấn giáo dục sức khỏe đòi hỏi người cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có sức khỏe tốt, luôn phải nắm chắc kiến thức ngành nghề, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật, khả năng giao tiếp tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, tỉ mỉ, chính xác; khả năng tự học tập, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

## **2. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **2.1. Căn cứ pháp lý:**

- Căn cứ quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;
- Căn cứ Nghị quyết số 194/NQ-HĐT-ĐHKTYTHD ngày 02/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;
- Căn cứ Thông tư 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Đại học;
- Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Căn cứ Thông tư 26/2015 – Quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y hạng II, III, IV
- Căn cứ Biên bản họp về việc rà soát, điều chỉnh, nghiệm thu chương trình đào tạo hệ đại học theo học chế tín chỉ ngày 09 tháng 08 năm 2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương;
- Căn cứ vào nội dung Văn bản ghi nhớ hợp tác giữa Ủy Ban Y Tế Hà Lan – Việt Nam và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ngày 18/01/2016
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ủy Ban Y Tế Hà Lan – Việt Nam và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ngày 23 tháng 5 năm 2018
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Tổ chức Người khuyết tật Quốc tế (Humanity & Inclusion; HI) và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (lần 1) ngày 01 tháng 07 năm 2016
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Tổ chức Người khuyết tật Quốc tế (Humanity & Inclusion; HI) và Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (lần 2) ngày 31 tháng 12 năm 2020

### **2.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo.**

Tên chương trình (tiếng Việt):	<b>Kỹ thuật Phục hồi chức năng</b>
Tên chương trình (tiếng Anh):	<b>Rehabilitation Technical</b>
Mã ngành đào tạo:	<b>7720603</b>
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	<b>Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương</b>
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	<b>Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Chuyên ngành Vật lý trị liệu). Có phụ</b>

	<b>lục văn bằng cụ thể chuyên ngành.</b>
Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Hình thức đào tạo	<b>Chính qui</b>
Số tín chỉ:	<b>141</b>
Thời gian đào tạo:	<b>4 năm</b>
Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chăm sóc và điều trị phục hồi cho người bệnh tại các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập; các cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi và các trung tâm điều dưỡng.</li> <li>+ Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo PHCN</li> <li>+ Chăm sóc người khỏe, vận động viên tại các Trung tâm thể dục thể thao, phòng tập thể hình, đội thể thao chuyên nghiệp.</li> <li>+ Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu.</li> <li>+ Nhân viên tư vấn chuyên môn cho các công ty kinh doanh dụng cụ, thiết bị Vật lý trị liệu/ PHCN.</li> <li>+ <b>Bậc học tiếp theo:</b> Thạc sỹ Vật lý trị liệu, Thạc sỹ Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu), Tiến sỹ Vật lý trị liệu</li> </ul>

### **3. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH**

Đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm đối với xã hội; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu); kỹ năng thực hành thành thạo, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, tiếng anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc độc lập, hợp tác, sáng tạo và tiếp tục học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân và cộng đồng.

#### **3.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi của Trường ĐH KT Y tế Hải Dương**

##### **3.1.1. Sứ mạng**

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

##### **3.1.2. Tầm nhìn**

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương phấn đấu đến năm 2030 trở thành Trường đào tạo đa ngành và là trường trọng điểm quốc gia về kỹ thuật y học.

##### **3.1.3. Giá trị cốt lõi**

###### **1. Đoàn kết thống nhất**

Thể hiện sự hợp tác tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chung một ý chí, hành động vì mục đích xây dựng, phát triển Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương trở thành Trường trọng điểm quốc gia về kỹ thuật y học.

## **2. Hợp tác, phát triển**

Hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung ứng dịch vụ y tế với các cơ sở trong và ngoài nước đảm bảo chất lượng, hiệu quả, cùng có lợi, hài hoà lợi ích, cùng phát triển theo kịp sự tiến bộ của khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế và nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

## **3. Kỷ cương, trách nhiệm**

Thể hiện những quy tắc trong giao tiếp, ứng xử; có kỷ luật trong dạy - học; thầy ra thầy, trò ra trò, không tiêu cực, gian lận trong thi cử; thương yêu, giúp đỡ người bệnh, luôn có trách nhiệm với bản thân, nhà trường và cộng đồng; chịu trách nhiệm cá nhân cho mọi quyết định, mọi hành động trong dạy - học, NCKH, cung ứng dịch vụ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực.

## **4. Thực hành chuyên nghiệp**

Thể hiện bằng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ giao tiếp ứng xử trong khi làm việc, dạy-học và cung ứng dịch vụ y tế; đào tạo theo năng lực, chuyên môn hoá và làm việc nhóm, phát huy tư duy phản biện và sáng tạo trong môi trường giáo dục và thực hành nghề nghiệp. Thiết lập tiêu chuẩn thực hành cao, thực hành dựa vào bằng chứng, theo Luật và đảm bảo an toàn cho người bệnh và cộng đồng.

## **5. Y đức, lễ phép**

Thể hiện ở quy tắc giao tiếp, ứng xử của người thầy thuốc với người bệnh, là phẩm chất đạo đức của cán bộ y tế, với trách nhiệm cao, trung thực, phục vụ người bệnh vô điều kiện, có phẩm chất mỹ học, có trí tuệ thể hiện ở trình độ chuyên môn, làm chủ trang thiết bị để phục vụ khám chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người bệnh và cộng đồng;

Lễ phép thể hiện bằng thái độ đúng mực giữa thầy và trò, giữa thầy thuốc với người bệnh, kính trọng thầy cô giáo, tôn trọng đồng nghiệp, bạn bè và người bệnh.

## **6. Tư duy đổi mới**

Luôn năng động, sáng tạo, đổi mới, lãnh đạo để thay đổi, phát triển Nhà trường nhanh, bền vững trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ y tế và phục vụ cộng đồng.

## **7. Học tập suốt đời**

Người cán bộ y tế phải học tập suốt đời, thường xuyên nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng, nghiên cứu khoa học, ứng dụng KHCN trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân với tinh thần “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”. Cam kết tất cả mọi hoạt động đều thúc đẩy việc học tập suốt đời.

## **8. Dịch vụ chu đáo**

Thể hiện bằng việc lấy người học, người bệnh làm trung tâm, với thái độ trung thực, tận tâm, nhiệt tình, chu đáo, tin cậy, kiên nhẫn, cảm thông và thấu hiểu; phục vụ nhanh chóng, chính xác, an toàn; hướng tới sự hài lòng của người học, người bệnh và cộng đồng.

### **3.2. Tầm nhìn – Sứ mạng của Khoa Phục hồi chức năng**

#### **3.2.1. Tầm nhìn**

Khoa Phục hồi chức năng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương được thành lập từ năm 1978, là 3 trường đầu tiên đào tạo KTV trung cấp Phục hồi chức năng. Năm 2008, khoa tuyển sinh khóa Đại học Kỹ thuật Phục hồi chức năng đầu tiên và là 2 đơn vị đầu tiên trong cả nước đào tạo ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học.

Trong suốt hơn 40 năm qua, các thế hệ cán bộ giảng viên của Khoa Phục hồi chức năng đã góp phần rất lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho ngành y tế trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Đội ngũ giảng viên khoa Phục hồi chức năng có 17 giảng viên cơ hữu và các giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện tại Hải Dương và các tỉnh thành khác, tại các phòng chức năng của Trường. Hiện nay, khoa có 01 Phó giáo sư, 3 Tiến sĩ, 3 Nghiên cứu sinh, 6 thạc sĩ, 4 cử nhân đang học cao học (tốt nghiệp tháng 8/2022). Ngoài nhiệm vụ chính về đào tạo, nghiên cứu khoa học, giảng viên vừa tham gia giảng dạy vừa tham gia quản lý, làm việc chính tại khoa Phục hồi chức năng Bệnh viện trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, giảng dạy lâm sàng tại các Bệnh viện trong khu vực Hải Dương. Nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong giảng dạy, làm việc tại Bệnh viện, nhiều giảng viên học cao học, nghiên cứu sinh tại nước ngoài như: Thái Lan, Nhật Bản, Ấn Độ. Khoa có sự hợp tác với các tổ chức phi chính phủ như USAID, HI, MCNV về nâng cao năng lực đào tạo về Phục hồi chức năng, hợp tác với các tổ chức Quốc tế như Hội Vật lý trị liệu thế giới về phát triển Vật lý trị liệu, với Trinh Foundation về phát triển Ngôn ngữ trị liệu, mời giảng viên Quốc tế từ Ấn Độ, Nhật Bản, Hà Lan... về giảng dạy Hoạt động trị liệu. Khoa phối hợp cùng với các khoa, phòng trong nhà trường tham gia dự án Đào tạo liên chuyên ngành (IPE) cùng trường Đại học Nigata Nhật Bản. Tập thể giảng viên trong khoa luôn đoàn kết, hợp tác, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, đổi mới phương pháp giảng dạy... để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học và các cơ sở sử dụng, cùng phát triển khoa phù hợp với mục tiêu phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Khoa PHCN đã có 3 bộ môn trực thuộc với nhân lực 21 cán bộ giảng viên.

### **3.2.2. Sứ mạng**

Khoa PHCN thuộc Trường có chức năng giúp Hiệu trưởng xây dựng chiến lược đào tạo của khoa theo định hướng chiến lược chung của Nhà trường; Quản lý, điều hành các hoạt động chuyên môn của các bộ môn, bộ phận trực thuộc.

#### **Các nhiệm vụ cụ thể:**

- Quản lý giảng viên, người lao động khác và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của trường, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được trường giao nhiệm vụ; tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần liên quan bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các học phần của chương trình đào tạo hoặc giữa các trình độ đào tạo; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án, biên soạn tài liệu, giáo trình theo định hướng phát triển của nhà trường; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố, đáp ứng nhu cầu sử dụng của thị trường lao động. Việc phát triển chương trình đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy phải thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động, Thương binh và xã hội;
- Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở liên quan đến ngành nghề đào tạo và huy động sự tham gia của các cơ quan vào quá trình đào tạo của khoa;
- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, ngành nghề đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo;



- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho giảng viên, người lao động, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và người lao động khác thuộc khoa;
- Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên trong khoa và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của nhà trường.

### **3.3. Mục tiêu đào tạo**

#### **3.3.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm đối với xã hội; có kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu, Ngôn ngữ trị liệu); kỹ năng thực hành thành thạo, hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; có kỹ năng tin học, tiếng anh và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu công việc; kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc độc lập, hợp tác, sáng tạo và tiếp tục học tập nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân và cộng đồng.

#### **3.3.2. Mục tiêu cụ thể: (CO)**

CO 1. Vận dụng được kiến thức về lý luận chính trị, quy định của pháp luật, chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề Phục hồi chức năng.

CO 2. Có kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành để lượng giá, thiết lập mục tiêu, can thiệp Phục hồi chức năng lấy người bệnh làm trung tâm.

CO 3. Kỹ năng thực hành thành thạo khi thăm khám lượng giá, thiết lập mục tiêu, xây dựng và thực hiện chương trình can thiệp Phục hồi chức năng dựa vào bằng chứng khoa học và lập luận lâm sàng.

CO 4. Thực hiện hiệu quả trong quản lý các nguồn lực, trang thiết bị y tế trong thực hành nghề nghiệp. Tham gia và tổ chức được các hoạt động tập huấn, đào tạo, tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà và cộng đồng trong lĩnh vực Phục hồi chức năng.

CO 5. Ứng dụng ngoại ngữ và tin học trong thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học.

CO 6. Giao tiếp phù hợp và hiệu quả với đồng nghiệp, nhóm đa ngành, người bệnh và thân nhân người bệnh theo chuẩn mực quy tắc ứng xử trong ngành y. Duy trì phát triển năng lực bản thân, tự cập nhật kiến thức trong hoạt động chuyên môn và hội nhập quốc tế.

## **4. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo này, sinh viên sẽ đạt các chuẩn sau:

### **PLO1: Tổng hợp kiến thức ngành kỹ thuật PHCN vào thực hành nghề nghiệp.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Liên kết được các kiến thức về chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh vào học tập, nghiên cứu và hành nghề PHCN.

- Nhận định được kiến thức về hệ thống y tế, chương trình y tế quốc gia về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, an toàn VSTP, dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm, tâm lý y học và đạo đức nghề nghiệp vào việc học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp.

*VLTL:*

- Phân tích được kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng trong quá trình lượng giá, lập kế hoạch VLTL bệnh cơ xương, thần kinh cơ, tim mạch hô hấp, nhi/lão khoa/CTTT.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để lượng giá/tái lượng giá lập kế hoạch can thiệp phù hợp.

*HĐTL:*

- Phân tích được kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng trong quá trình lượng giá, lập kế hoạch HĐTL bệnh thần kinh cơ, ngoại và chỉnh hình, nhi / nội và lão khoa.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để lượng giá/tái lượng giá lập kế hoạch can thiệp phù hợp.

*NNTL:*

- Phân tích được kiến thức y học cơ sở, y học lâm sàng trong quá trình lượng giá, lập kế hoạch NNTL bệnh ngôn ngữ, giao tiếp ở trẻ em và người lớn và rối loạn nuốt ở trẻ em/ người lớn/ thính học.

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành để lượng giá/tái lượng giá lập kế hoạch can thiệp phù hợp.

**PLO2: Thực hiện thành thạo lượng giá, lập kế hoạch và thực hiện can thiệp PHCN với cách tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm và thực hành dựa vào bằng chứng.**

*Tiêu chí đánh giá:*

*VLTL:*

- Cung cấp thông tin đầy đủ và giải thích cho người bệnh về mục tiêu của việc lượng giá, các yếu tố nguy cơ và tư vấn các lựa chọn can thiệp dựa vào bằng chứng bệnh VLTL.

- Xây dựng kế hoạch lượng giá VLTL có vận dụng kiến thức lý thuyết để xác định các khiếm khuyết, giảm chức năng và giới hạn khả năng tham gia của người bệnh.

- Thực hiện thành thạo kỹ năng lượng giá và tái lượng giá một cách phù hợp dựa trên việc tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm.

- Lập kế hoạch can thiệp VLTL phù hợp với từng người bệnh dựa trên cơ sở thực hành dựa vào bằng chứng.

- Cung cấp và giải thích thông tin đầy đủ, chính xác cho người bệnh về các phương pháp can thiệp VLTL dựa vào bằng chứng nhằm thống nhất được mục tiêu và kế hoạch can thiệp, đạt được sự hợp tác của người bệnh trong quá trình can thiệp.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật VLTL chuyên sâu với người bệnh.

- Đánh giá hiệu quả can thiệp và điều chỉnh các phương pháp VLTL phù hợp trong quá trình điều trị.

*HĐTL:*

- Cung cấp thông tin đầy đủ và giải thích cho người bệnh về mục tiêu của việc lượng giá, các yếu tố nguy cơ và tư vấn các lựa chọn can thiệp dựa vào bằng chứng bệnh HĐTL.

- Xây dựng kế hoạch lượng giá HĐTL có vận dụng kiến thức lý thuyết để xác định các khiếm khuyết, giảm chức năng và giới hạn khả năng tham gia của người bệnh.

- Thực hiện thành thạo kỹ năng lượng giá và tái lượng giá một cách phù hợp dựa trên việc tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm.

- Lập kế hoạch can thiệp HĐTL phù hợp với từng người bệnh dựa trên cơ sở thực hành dựa vào bằng chứng.

- Cung cấp và giải thích thông tin đầy đủ, chính xác cho người bệnh về các phương pháp can thiệp HĐTL dựa vào bằng chứng nhằm thống nhất được mục tiêu và kế hoạch can thiệp, đạt được sự hợp tác của người bệnh trong quá trình can thiệp.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật HĐTL chuyên sâu với người bệnh.

- Đánh giá hiệu quả can thiệp và điều chỉnh các phương pháp HĐTL phù hợp trong quá trình điều trị.

*NNTL:*

- Cung cấp thông tin đầy đủ và giải thích cho người bệnh về mục tiêu của việc lượng giá, các yếu tố nguy cơ và tư vấn các lựa chọn can thiệp dựa vào bằng chứng bệnh NNTL.
- Xây dựng kế hoạch lượng giá NNTL có vận dụng kiến thức lý thuyết để xác định các khiếm khuyết, giảm chức năng và giới hạn khả năng tham gia của người bệnh.
- Thực hiện thành thạo kỹ năng lượng giá và tái lượng giá một cách phù hợp dựa trên việc tiếp cận lấy người bệnh làm trung tâm.
- Lập kế hoạch can thiệp NNTL phù hợp với từng người bệnh dựa trên cơ sở thực hành dựa vào bằng chứng.
- Cung cấp và giải thích thông tin đầy đủ, chính xác cho người bệnh về các phương pháp can thiệp NNTL dựa vào bằng chứng nhằm thống nhất được mục tiêu và kế hoạch can thiệp, đạt được sự hợp tác của người bệnh trong quá trình can thiệp.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật NNTL chuyên sâu với người bệnh.
- Đánh giá hiệu quả can thiệp và điều chỉnh các phương pháp NNTL phù hợp trong quá trình điều trị.

**PLO 3. Thực hiện thành thạo quản lý, sử dụng, bảo quản trang thiết bị, hồ sơ bệnh án được phân công trong thực hành tại khoa phòng Phục hồi chức năng.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Ghi chép chính xác kết quả lượng giá, lập kế hoạch, các phương pháp can thiệp trị liệu vào hồ sơ bệnh án.
- Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ hợp lý, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến việc lưu trữ.

*VLTL:*

- Sử dụng thành thạo và bảo quản tốt các trang thiết bị máy móc như: điện xung, điện phân, siêu âm ... trong khoa Phục hồi chức năng.
- Có khả năng nhận biết, tư vấn hướng dẫn sử dụng được một số dụng cụ trợ giúp, chỉnh hình đơn giản cho các dạng bệnh trong chuyên ngành VLTL trong thực hành lâm sàng.

*HĐTL:*

- Sử dụng thành thạo và bảo quản tốt các trang thiết bị trong đơn vị HĐTL như dụng cụ, máy làm nẹp ...
- Có khả năng nhận biết, tư vấn hướng dẫn sử dụng được một số dụng cụ trợ giúp, chỉnh hình, thay thế phù hợp cho các dạng bệnh trong chuyên ngành Hoạt động trị liệu trong thực hành lâm sàng.
- Có thể làm được vài loại nẹp đơn giản.

*NNTL:*

- Sử dụng thành thạo và bảo quản tốt các trang thiết bị máy móc trong đơn vị NNTL: máy kích thích nuốt, ....
- Có khả năng phối hợp quản lý, nhận biết, tư vấn người bệnh sử dụng đúng một số dụng cụ trợ giúp cơ bản trong thực hành lâm sàng.

**PLO 4: Thực hiện giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hành lâm sàng PHCN.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Tích cực lắng nghe, tham gia cùng với người bệnh, gia đình và các chuyên gia khác trong thực hành lâm sàng PHCN.
- Vận dụng đa dạng các kỹ năng giao tiếp, ứng xử một cách linh hoạt với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và những người liên quan khác trong từng hoàn cảnh cụ thể.

- Vận dụng được kỹ năng giao tiếp vào quá trình khai thác thông tin bệnh sử, tư vấn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng một cách phù hợp và hiệu quả.

**PLO 5. Tham gia tích cực vào làm việc nhóm và các hoạt động hợp tác nhóm đa ngành.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Xác định được vị trí các thành viên và vai trò trong nhóm liên ngành, đóng góp kiến thức chuyên ngành vào quá trình lập luận lâm sàng và ra quyết định can thiệp.

- Tôn trọng vai trò và sự đóng góp của những thành viên trong nhóm liên ngành để hợp tác hiệu quả.

- Tham vấn và chia sẻ những kiến thức với các bạn học, nhân viên y tế trong nhóm liên ngành, tìm kiếm sự hỗ trợ từ các chuyên gia khác trong trường hợp vượt quá năng lực chuyên môn hoặc khi kết quả can thiệp không như mong đợi.

**PLO 6: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân trong suốt quá trình học tập.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.

- Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành nghề PHCN.

- Từng bước tìm hiểu các hệ thống, chính sách hỗ trợ sức khỏe, phúc lợi về khuyết tật tại địa phương nhằm giảm thiểu rủi ro, tăng cường sức khỏe và giúp quá trình hành nghề PHCN an toàn sau tốt nghiệp.

**PLO 7: Tham gia tích cực nghiên cứu khoa học, tự học, tự cập nhật kiến thức trong thực hành chuyên môn và hội nhập quốc tế.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Chủ động tìm kiếm, tích cực tiếp nhận, thảo luận các phản hồi và góp ý có tính xây dựng từ bạn học, giảng viên và nhân viên y tế và thay đổi phù hợp dựa trên bằng chứng tốt nhất.

- Sử dụng công nghệ kỹ thuật số, truy cập và tiếp cận nguồn tài liệu chuyên môn, chia sẻ kiến thức với bạn học, giảng viên và nhân viên y tế.

- Tích cực NCKH và tham gia nghiên cứu khoa học sinh viên nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn và NCKH.

- Tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa chuyên ngành trong nước và quốc tế

**PLO 8. Vận dụng linh hoạt kiến thức vào tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng trong quá trình thực hành lâm sàng.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Đảm bảo người bệnh và gia đình hiểu được tình trạng bệnh và chủ động tham gia vào thiết lập mục tiêu can thiệp và phối hợp trong quá trình điều trị.

- Thực hiện giáo dục sức khỏe hiệu quả và chuyển giao kiến thức, kỹ năng cơ bản cho người bệnh và người chăm sóc.

- Thể hiện sự chuyên nghiệp trong thực hành nghề và các hoạt động liên quan.

**PLO 9: Có trình độ ngoại ngữ tiếng Anh chuyên ngành đạt chuẩn, sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo yêu cầu.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Ứng dụng kỹ năng tin học cơ bản vào thực hành nghề nghiệp.

- Sử dụng được tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành vào thực hành chuyên môn nghề nghiệp, tiếp cận thông tin khoa học và nghiên cứu khoa học.

**PLO 10: Thực hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và theo các quy định của pháp luật Việt Nam về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.**

*Tiêu chí đánh giá:*

- Thực hành chuyên môn tuân thủ các quy định về y đức, các quy định chuyên môn của ngành y tế và các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y tế.
- Yêu nghề, hết lòng phục vụ người bệnh, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- Thể hiện sự tôn trọng tính đa dạng về văn hóa, niềm tin, giá trị và các đặc điểm cá nhân của người bệnh và cộng đồng.
- Tích cực tham gia các hoạt động quảng bá về ngành Phục hồi chức năng và chuyên ngành mình học.

**5. MA TRẬN ĐÓNG GÓP MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN**

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng mục tiêu CTĐT (...MT)	Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT (...CDR)
1	KT giáo dục đại cương	36	MT1	PLO1
2	KT giáo dục chuyên nghiệp	40/41/35	MT1,2,3,4,5,6	PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9
3	KT chuyên ngành	44/43/49	MT1,2,3,4,5,6	PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
4	Thực tập nghề nghiệp và khóa luận (hoặc thi tốt nghiệp)	8	MT1,2,3,4,5,6	PLO1,2,3,4,5,6,7,8,9,10
	<b>Tổng</b>	<b>141/154</b>		

**6. VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

- Chăm sóc và điều trị phục hồi cho người bệnh tại các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập; các cơ sở chăm sóc người khuyết tật, người cao tuổi và các trung tâm điều dưỡng.
- Giảng dạy tại các cơ sở đào tạo PHCN
- Chăm sóc người khỏe, vận động viên tại các Trung tâm thể dục thể thao, phòng tập thể hình, đội thể thao chuyên nghiệp.
- Nghiên cứu viên tại các trung tâm nghiên cứu.
- Nhân viên tư vấn chuyên môn cho các công ty kinh doanh dụng cụ, thiết bị Vật lý trị liệu/ PHCN.

**7. CƠ HỘI HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ**

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành KTPHCN, sinh viên có thể học Thạc sĩ Vật lý trị liệu, Thạc sĩ Hoạt động trị liệu và Thạc sĩ Ngôn ngữ trị liệu (trong và ngoài nước)

**8. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

**8.1. Thông tin tuyển sinh**

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo, hướng dẫn của Trường Đại học KTYTHD (<https://hmtu.edu.vn/tuyen-sinh>).

- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia do cụm trường Đại học tổ chức, bao gồm các môn Toán, Hóa, Sinh

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Căn cứ kết quả thi THPT, căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, Hội đồng tuyển sinh nhà trường sẽ tiến hành xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Tổ hợp xét tuyển: Khối B00 (Toán, Hóa, Sinh)

### 8.2. Quy trình đào tạo

Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

### 8.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Sinh viên được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo (*không bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, tín chỉ của môn học tự chọn*);

c) Có điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBC TL) theo thang điểm 10 đạt từ 5,0 trở lên. Đối với sinh viên được xét viết khóa luận phải sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy của 6 học kỳ đầu đạt từ 7,0 trở lên với số lượng tính chỉ tích lũy từ 115 tín chỉ trở lên.;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và giáo dục thể chất.

e) Có chứng chỉ Ngoại ngữ và tin học đáp ứng quy định về chuẩn đầu ra của Nhà trường(A2 khung năng lực châu Âu);

f) Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin (IELO3 và tương đương).

g) Không còn nợ học phí.

h) Không còn nợ sách, giáo trình của thư viện hoặc tài sản khác của Nhà trường.

### 9. CÁC CTĐT ĐỐI SÁNH:

Chương trình đào tạo ngành KTPHCN của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương được đối sánh với các Trường trong và ngoài nước; cụ thể với Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng và Trường Đại học Australian Catholic, Úc

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (141 tín chỉ)		Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (131 tín chỉ)		Trường Đại học Australian Catholic (320 credit points-CPs; 1 CPs = 10 tiết thực học)	
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>					
<b>Kiến thức chung (Kiến thức giáo dục đại cương)</b>					
<b>26</b>		<b>24</b>			
Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	3	Triết học Mác-Lênin	3		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2		
Đường lối CM của Đảng CSVN	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
Kinh tế chính trị	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
Chủ nghĩa xã hội	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
English 1 (Pre-intermediate)	4	Pháp luật đại cương	2		

English2 (Pre + Intermediate)	4	Tin học đại cương	2		
English 3 (Starter TOEIC)	2	Anh văn I	3		
Tin	2	Anh văn II	3		
Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất	3		
Giáo dục thể chất 2	2	Tin học đại cương	2		
<b>Giáo dục quốc phòng - An ninh (165 tiết)</b>		<b>LT – Giáo dục quốc phòng – An ninh</b>	<b>5</b>		
		<b>TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh</b>	<b>3</b>		
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành khoa học sức khỏe</b>					
<b>9</b>		<b>17</b>		<b>Phần A – Học phần cơ sở (70 credit points)</b>	
Xác suất – thống kê y học	3	Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	Giải phẫu học trong Vật lý trị liệu (VLTL) 1	10
		Sinh học và di truyền	2	Giải phẫu học trong Vật lý trị liệu 2	10
Hoá – Hóa sinh	2	Lý sinh	2	Sinh học con người 1	10
Sinh học và di truyền	2	Vật lý	2	Sinh học con người 2	10
Vật lý và Lý sinh	2	Hóa học	2	Hoạt động thể chất và tập luyện trong VLTL	10
		Xác suất – Thống kê y học	2	Sinh lý bệnh cho VLTL	10
		Tâm lý Y học – Đạo đức Y học	2	Khoa học thần kinh trong y tế tương cận	10
		Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2		
		Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1		
<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>					
<b>Kiến thức cơ sở nhóm ngành</b>					
<b>38</b>		<b>19</b>		<b>Phần B – Học phần kiến thức liên ngành (20 credit points)</b>	
Tâm lý – Đạo đức nghề nghiệp (VLTL)	1	Giải phẫu	3	Tâm lý học trong y tế tương cận	10
Giải phẫu – Sinh lý	5	Sinh lý	3	Đạo đức y tế	10

Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2	Giải phẫu bệnh	1		
Dược lý cơ sở	2	Hóa sinh	2		
Điều dưỡng cơ bản – cấp cứu ban đầu	2	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2		
Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm	1		
Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia	2	Chẩn đoán hình ảnh	2		
Sức khỏe – nâng cao SK (SKMT – Giáo dục sức khỏe)	2	Dịch tễ học	1		
Phương pháp nghiên cứu khoa học I	2	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	1		
Dinh dưỡng - tiết chế	2	Bệnh học Nội khoa	2		
Sinh cơ học – Vận động học	4	Bệnh học Ngoại khoa	1		
Giải phẫu chức năng hệ vận động và thần kinh	2				
Lượng giá chức năng hệ vận động và thần kinh	3				
Phương thức vật lý trị liệu	3				
Vận động trị liệu	3				
Giới thiệu ngành PHCN, IPE và ICF	1				

**Kiến thức ngành/chuyên ngành**

**Kiến thức bắt buộc**

43		61	<b>Phần C – Học phần thực hành nghề VLTL (210 credit points)</b>	
Vật lý trị liệu hệ cơ xương I	4	Nhập môn – giới thiệu chuyên ngành Vật lý trị liệu và Đạo đức nhà chuyên môn Vật lý trị liệu	2	Nền tảng thực hành nghề VLTL 1 10
Vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ I	4	Giải phẫu chức năng	3	Nền tảng thực hành nghề VLTL 2 10
Vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp	4	Khoa học vận động	2	Thực hành VLTL tim mạch hô hấp 1 10
Dạy và học - Thực	1	Khoa học thần kinh	2	Thực hành 10



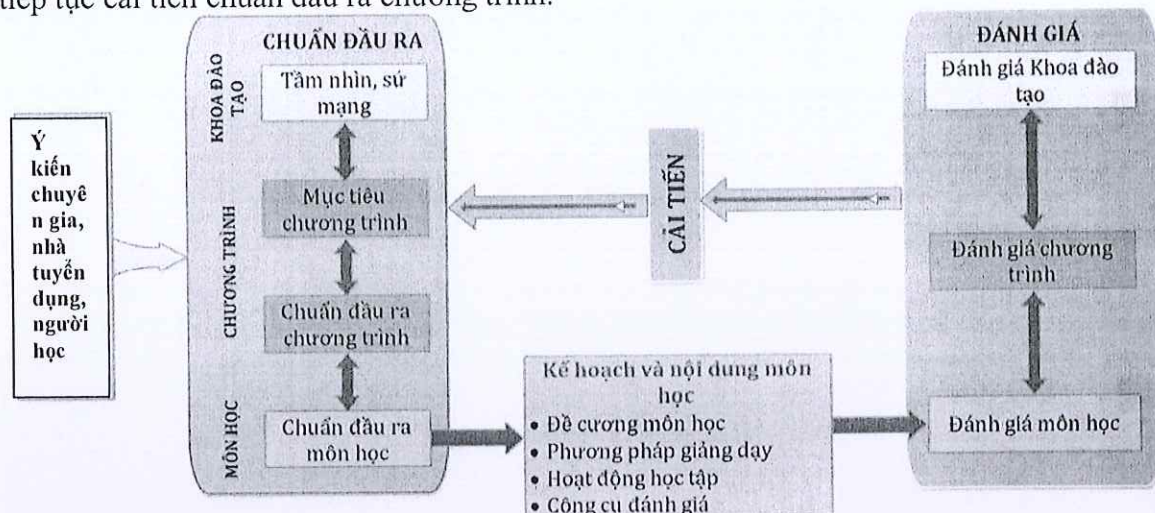
hành dựa vào bằng chứng				VLTL cơ xương 1	
Quản lý các ca bệnh phức tạp	2	Quá trình phát triển con người	2	Thực hành VLTL cơ xương 2	10
Tối ưu hóa chức năng tham gia	2	Lượng giá chức năng	3	Khoa học vận động trong VLTL	10
Phản hồi và ra quyết định lâm sàng	2	Cách phân loại ICF của Tổ Chức Y Tế Thế giới	2	Nghiên cứu và Thực hành dựa vào bằng chứng trong VLTL	10
Quá trình phát triển con người	2	Vận động trị liệu	4	Thực hành VLTL tim mạch hô hấp 2	10
Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	3	Các phương thức điều trị Vật Lý trị liệu 1 + 2	4	Thực hành VLTL cơ xương 3	10
Hành nghề PHCN	1	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 1	3	Thực hành VLTL Thần kinh 1	10
Quản lý Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng	1	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ cơ – xương 2	4	Thực hành VLTL Thần kinh 2	10
Vật lý trị liệu hệ cơ xương II	2	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ tim mạch và hô hấp	3	Thực hành VLTL Nhi khoa 1	10
Vật lý trị liệu hệ thần kinh cơ II	2	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ thần kinh – cơ	3	Tích hợp VLTL trong một số bệnh lý cụ thể	10
Bài tập trị liệu 1	3	Phục hồi chức năng Nhi khoa	3	Trang bị cho thực hành nghề VLTL	10
Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1	Tiếng Anh chuyên ngành I	2	Thực tập lâm sàng 1	10
Thực tập lâm sàng PHCN1	3	Tiếng Anh chuyên ngành II	2	Thực tập lâm sàng 2	10
Thực tập lâm sàng PHCN2	3	Tổ chức và quản lý khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng	1	Thực tập lâm sàng 3	10
Thực tập lâm sàng PHCN3	3	Thực tập lâm sàng 1	4	Thực tập lâm sàng 4	10
Thực tập lâm sàng PHCN4	3	Thực tập lâm sàng 2	4	Thực tập lâm sàng 5	10
		Thực tập lâm sàng 3	4	Thực hành VLTL chuyên nghiệp	10

		Thực tập lâm sàng 4	4	Triển vọng cho thực hành VLTL trong tương lai	10
<b>Kiến thức tự chọn</b>					
<b>13 (Chọn 13/22 tín chỉ)</b>		<b>8(Chọn 8/16 tín chỉ)</b>		<b>Phần D – Học phần tự chọn (20/50 credit points)</b>	
Vật lý trị liệu bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm và nhóm bệnh khác	3	Nghiên cứu khoa học nâng cao	2	Cá nhân và cộng đồng: Khám phá giải phẫu của xã hội hiện đại	10
Bài tập trị liệu 2	2	Vật lý trị liệu thần kinh - cơ nâng cao	2	Khám phá con người	10
Vật lý trị liệu chấn thương thể thao	2	Vật lý trị liệu cho người bị cắt cụt chi & dụng cụ chỉnh hình	2	Đạo đức và những điều tốt đẹp trong cuộc sống	10
Chẩn đoán hình ảnh trong VLTL	2	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	Công bằng và những thay đổi trên toàn cầu	10
Vật lý trị liệu Nhi khoa	4	Bệnh lý và Vật lý trị liệu hệ da - tiêu hóa – tiết niệu - sinh dục - nội tiết.	2	Xã hội công bằng	10
<i>Hoạt động trị liệu</i>	3	Vật lý trị liệu Hô hấp – Tim mạch nâng cao	2		
<i>Ngôn ngữ trị liệu</i>	3	Thực tập cộng đồng, Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2		
<i>Tâm lý lâm sàng</i>	1	Thực hành dựa trên thực chứng trong Vật lý trị liệu	2		
<i>Xã hội học</i>	2				
<b>Khóa luận tốt nghiệp / TTTN- học phần bổ sung</b>					
<b>8</b>		<b>5</b>			
Thực tập tốt nghiệp	5	Khóa luận tốt nghiệp		5	
<i>Dự án nghiên cứu độc lập hoặc Khóa luận tốt nghiệp</i>	3	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	Tổng hợp các kiến thức lý thuyết cơ bản về Vật lý trị liệu	2	
			Giải quyết ba trường hợp bệnh điển hình – Môn học thay thế khóa luận 2	3	

## 10. CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Phục hồi chức năng tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra của sinh viên, thiết kế chuẩn đầu ra môn học. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi

kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiếp tục cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



**Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Phục hồi chức năng**

### 10.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành KTPHCN cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

### 10.1. Chuẩn bị của giảng viên

#### 10.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của giảng viên và người học: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

**Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy**

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	- Thuyết trình là phương pháp chủ yếu của hình thức tổ chức diễn giảng ở các bậc học cao và cho người lớn.	Phương pháp thuyết trình
	- Thuyết trình là trình bày rõ ràng một vấn đề trước nhiều người. - Thuyết trình có 2 chức năng chính: diễn đạt thông báo về nội dung một chủ đề và giải thích vấn đề một cách rõ ràng, minh	

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
	<p>bạch bằng ngôn ngữ có thể kết hợp ngôn ngữ với các kênh thông tin khác như sự vật, hình ảnh, sơ đồ, phim, ...).</p>	
	<p>- Một trong những phương pháp dạy học hiệu quả là tổ chức quá trình dạy học bằng các tình huống sư phạm. Tình huống sư phạm là làm cho người học xuất hiện trạng thái tâm lý muốn học để biết, để giải quyết được vấn đề trong học tập, trong đời sống. Tình huống được mô hình hóa thành bài tập nhận thức được gọi là “Bài tập tình huống”, là công cụ để tổ chức hoạt động học. Bài tập tình huống vừa là kích thích nhu cầu nhận thức, vừa là chuyển tải tri thức bao gồm kiến thức, kỹ năng (kỹ năng nhận thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp).</p> <p>- Hệ thống bài tập tình huống sao cho đủ để tải được hết kiến thức, kỹ năng, thái độ mà môn học yêu cầu. Với hệ thống bài tập tình huống đó, nội dung môn học đã được mã hóa trong bài tập tình huống. Việc học được quy về hoạt động giải mã. Nội dung kiến thức chứa đựng cả cách đi đến kiến thức đó, nhưng trong thực tế giảng viên và học viên chỉ tiếp thu kiến thức có sẵn, mà ít được học cách đến kiến thức đó. Bài tập tình huống mã hóa trong đó cả kiến thức và cách tìm kiến thức. Bản chất của bài tập tình huống định hướng cho người biên soạn giáo trình thiết kế các hoạt động trong cấu trúc đã nêu trên của giáo trình môn học.</p>	<p>Dạy học bằng tình huống</p>
<p>Giảng dạy gián tiếp</p>	<p>- Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong</p>	<p>Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Based Solving), học theo tình huống (Case Study).</p>

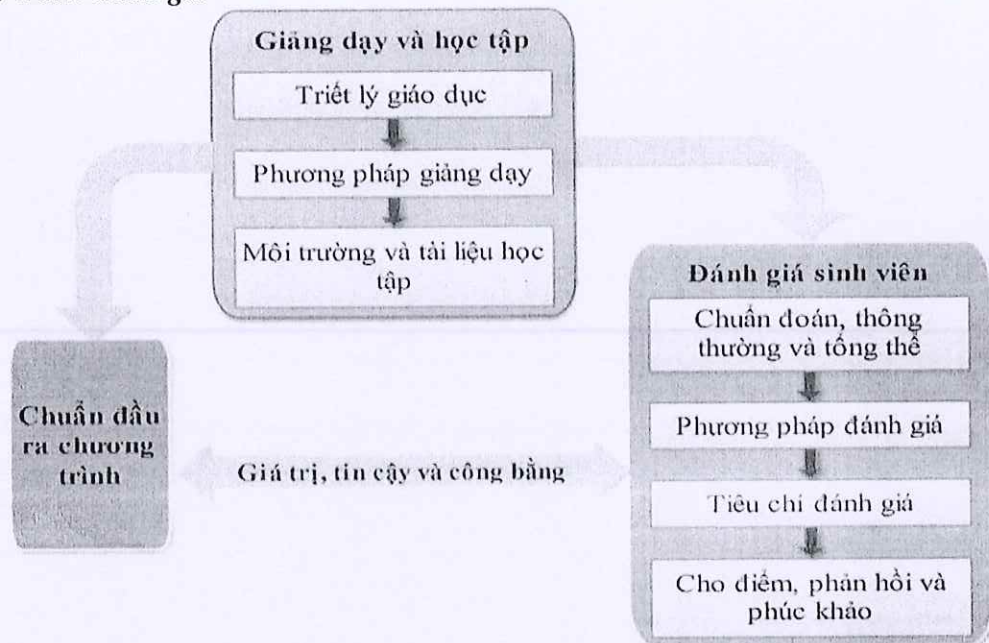
Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
	tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện về giải quyết vấn đề.	
Học tập trải nghiệm	Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm. Các phương pháp dạy học áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập (Internship), thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team), ...	Mô hình (Models), Thực tập, thực tế (Internship, Field Trip), Thí nghiệm (Experiment)
Giảng dạy tương tác	Đây là chiến lược dạy và học trong đó giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định. Các kỹ thuật, phương pháp áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning),	Tranh luận (Debates), Thảo luận (Discussion), Học nhóm (Pear Learning)
Học tập độc lập	Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).	Bài tập ở nhà (Work Assignment)

### 10.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 1 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của người kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Hoạt động trị liệu/Ngôn ngữ trị liệu/.
- Hàng năm các Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực giảng viên;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

## 11. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

### 11.1. Quy trình đánh giá



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

### 11.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Bảng 5. Trọng số và tiêu chí đánh giá

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối Đa
1	Chuyên cần	5%	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.		10
			+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		10
2	Bài kiểm tra định		* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài		

TT	Hình thức	Trọng số	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối Đa
	kỳ	25%	tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớp (giảng viên nêu cụ thể)		10
3	Thi kết thúc học phần	70%	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi tùy theo học phần cụ thể do giảng viên quyết định. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.		10

### 11.3. Thang điểm đánh giá:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân (0,5)

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần cũng tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân (0,5)

+ Loại đạt:	9 đến 10:	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9:	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8	Khá
	Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6	Trung bình
+ Loại không đạt	Từ 4 đến cận 5	Yếu
	Dưới 4	Kém

## PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC (Curriculum)

### 1. Cấu trúc khối kiến thức:

- Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc tại các cơ sở y tế. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành.
- Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, y học cơ sở, cơ sở ngành, chuyên ngành có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc tại các cơ sở y tế.

### 2. Cấu trúc khối kiến thức:

Khối lượng kiến thức toàn khóa phải tích lũy 143 tín chỉ và được phân bổ như sau:

T T	Khối lượng học tập	Số tín chỉ			
		TS	LT	TH	
1.	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> (gồm các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)				
1.1	Kiến thức chung	27	19,1%	22	5

1.2	Kiến thức cơ sở khối ngành Khoa học sức khỏe	9	6,4%	8	1
<b>2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
2.1	Kiến thức cơ sở nhóm ngành PHCN	27	19,1%	22	5
2.2	Kiến thức cơ sở chuyên ngành (VLTL, HĐTL, NNLT)	13/14/8			
<b>3.</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành</b>				
3.1	Kiến thức ngành PHCN	25	17,7%	7	18
3.2	Kiến thức chuyên ngành (VLTL, HĐTL, NNLT)	19/18/24			
3.3	Kiến thức bổ trợ (Tự chọn)	13/13/13			
<b>4.</b>	<b>Thực tập nghề nghiệp và khoá luận (hoặc thi tốt nghiệp)</b>	8	5,7%	1	7
	<b>Cộng</b>	<b>141</b>		<b>80</b>	<b>61</b>

Nội dung		VLTL	HĐTL	NNLT
Số TC chung giống nhau của 03 chuyên ngành	KT giáo dục đại cương	27+9	27+9	27+9
	Kiến thức cơ sở nhóm ngành PHCN	27	27	27
	KT chuyên ngành PHCN	25	25	25
	Tốt nghiệp	8	8	8
	<b>Tổng</b>	<b>96 TC</b>	<b>96 TC</b>	<b>96 TC</b>
Số TC khác nhau của 03 chuyên ngành	HP bắt buộc	13+19	14+18	8+24
	HP tự chọn	13	13	3 <sup>1</sup>
	<b>Tổng</b>	<b>45</b>	<b>45</b>	<b>45</b>
Khối lượng kiến thức toàn khóa học		141	141	141
Tỷ lệ lý thuyết toàn bộ chương trình		80 56,74%	85 60,28%	84 59,57%
Tỷ lệ thực hành, lâm sàng		59 43,26%	53 39,72%	54 40,43%

**Ma trận giữa các khối kiến thức với Chuẩn đầu ra CTĐT**

TT	Thành phần	Số TC		CDR CTĐT (PLO)										
		TS	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	36		x										
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (VLTL/HĐTL/NNLT)	40/41/35		x	x	x	x							
3	Kiến thức chuyên ngành (VLTL/HĐTL/NNLT)	44/43/49		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
	Thực tập tốt nghiệp	8		x	x	x			x	x	x	x	x	



TT	Thành phần	Số TC		CDR CTĐT (PLO)									
		TS	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Học phần tự chọn	13		×	×	×		×		×	×	×	×
	<b>Cộng</b>	<b>141</b>		<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>

### 3. Khung chương trình đào tạo:

( Khung CTĐT ngành/ Chuyên ngành)

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH/LS
<b>1</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>				
	<b>1.1. KIẾN THỨC CHUNG</b>		<b>24</b>	<b>22</b>	<b>2</b>
1	POL1005	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	POL1006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	POL1007	Chủ nghĩa xã hội khoa học (CNXHKKH)	2	2	0
4	POL1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
5	POL1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
6	ENG1001	English 1	4	4	0
7	ENG1002	English 2	4	4	0
8	ENG1013	English 3	2	2	0
9	INT1003	<b>Tin học</b>	3	1	2
<b>1.3</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
10	GDTC1001	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
11	GDTC2003	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông tự chọn)	2	0	2
12	GDTC2004	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền tự chọn)	2	0	2
2.1.5	GDQP 1002	Giáo dục quốc phòng - An ninh (165 tiết)			
	<b>1.2. Các học phần cơ sở khối ngành</b>		<b>9</b>	<b>8</b>	<b>1</b>
12	MATH2003	Xác suất – thống kê y học	3	2	1
13	CHEM1009	Hoá học - Hóa sinh	2	2	0
14	BIOL1001	Sinh học Di truyền	2	2	0
15	PHYS1001	Vật lý - Lý sinh	2	2	0
<b>2</b>	<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>				
	<b>2.1 KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b>		<b>27</b>	<b>22</b>	<b>5</b>
16	BIOL1101	Giải phẫu - Sinh lý	5	3	2
17	BIOL1103	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	2	0
18	CHEM1101	Dược cơ sở	2	2	0
19	NUR1103	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	1
20	PHCN1101	Tâm lý y học - Đạo đức nghề nghiệp	1	1	0

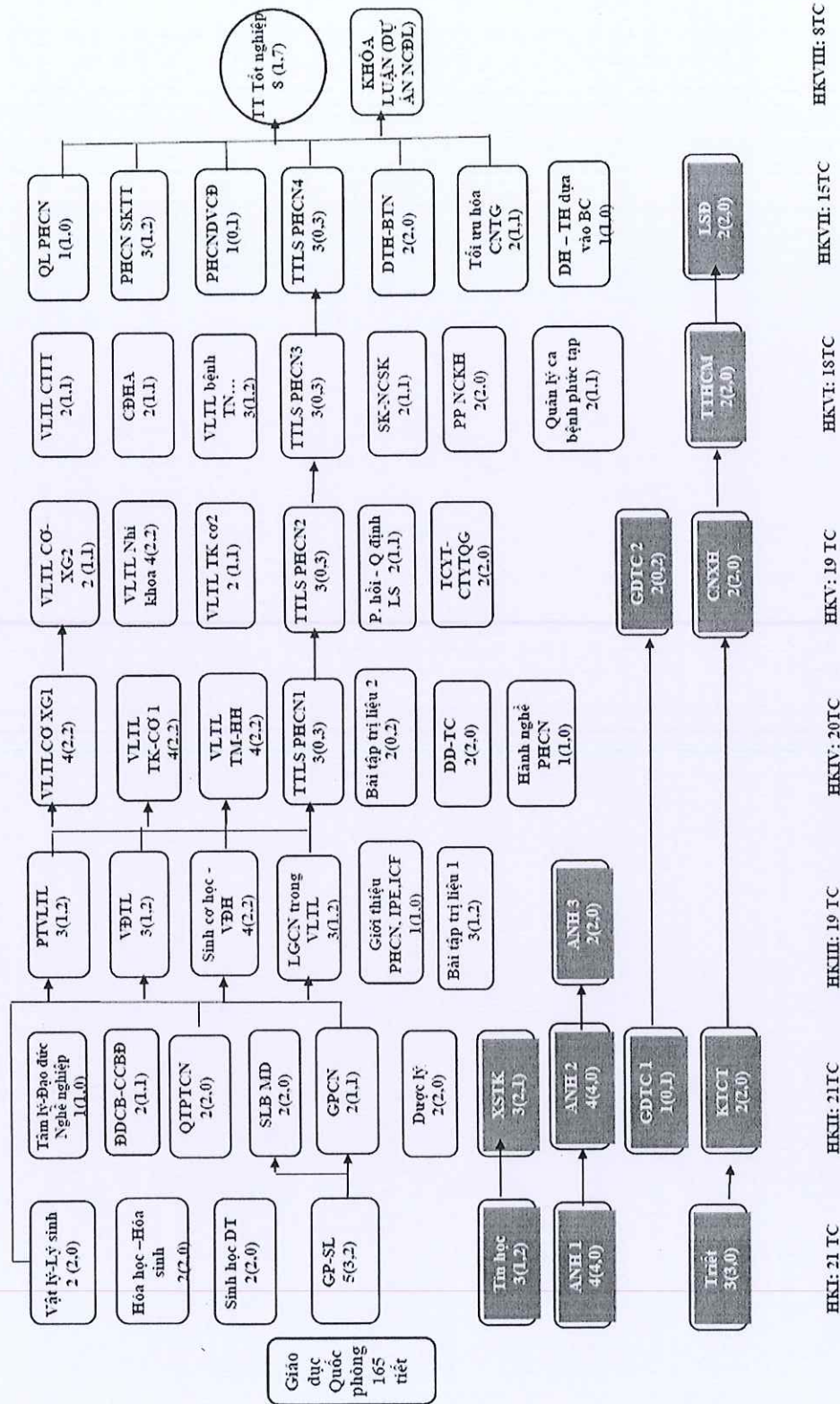
STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/LS	
		(PHCN)				
	21	BIOL2104	Dinh dưỡng - tiết chế	2	2	0
	22	SOC2105	Tổ chức y tế - Chương trình y tế quốc gia	2	2	0
	23	SOC2108	Sức khỏe – nâng cao SK (SKMT - Giáo dục sức khỏe)	2	1	1
	24	SOC3101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
	25	SOC2103	Dịch tễ học và các bệnh truyền nhiễm	2	2	0
1	26	REHA2104	Giới thiệu ngành phục hồi chức năng, IPE và ICF	1	1	0
2	27	REHA1102	GPCN	2	1	1
3	28	REHA1103	Quá trình phát triển con người	2	2	0
	<b>2.2</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành Phục hồi chức năng</b>		<b>25</b>	<b>7</b>	<b>18</b>
4	29	REHA2201	Hành nghề phục hồi chức năng	1	1	0
5	30	REHA3202	Phản hồi và ra quyết định lâm sàng	2	1	1
6	31	REHA4203	Quản lý phục hồi chức năng	1	1	0
7	32	REHA4204	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	1	0	1
8	33	REHA4205	Quản lý ca bệnh phức tạp	2	1	1
9	34	REHA4206	Dạy và học – Thực hành dựa vào bằng chứng	1	1	0
10	35	REHA4207	Phục hồi chức năng sức khỏe tâm thần	3	1	2
11	36	REHA4208	Tối ưu hóa chức năng tham gia	2	1	1
12	37	REHA3301	Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng 1	3	0	3
13	38	REHA3302	Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng 2	3	0	3
14	39	REHA4303	Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng 3	3	0	3
15	40	REHA4304	Thực tập lâm sàng Phục hồi chức năng 4	3	0	3
	<b>2.4</b>	<b>Phần thực tập tốt nghiệp</b>		<b>8</b>	<b>1</b>	<b>7</b>
16	41	REHA4305	Thực tập tốt nghiệp	5	0	5
17	42	REHA4306	Thi tốt nghiệp hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Dự án nghiên cứu độc lập)	3	1	2
		<b>Tổng toàn khoá (Tín chỉ chung)</b>		<b>93</b>	<b>60</b>	<b>33</b>
<b>SINH VIÊN CHỌN 1 TRONG 3 CHUYÊN NGÀNH</b>						
		<b>CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU</b>		<b>45</b>	<b>24</b>	<b>21</b>
		<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành NNTL</b>		<b>8</b>	<b>5</b>	<b>3</b>
18	1	ST2101	Ngôn ngữ học tiếng Việt ứng dụng	3	2	1
19	2	ST2102	Giải phẫu chức năng trong Ngôn ngữ trị liệu	3	2	1

	STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ			
				Tổng	LT	TH/LS	
	20	3	ST2103	Lượng giá chức năng trong NNTL	2	1	1
			<b>Kiến thức chuyên ngành NNTL (bắt buộc)</b>		<b>24</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
	21	4	ST2201	Quá trình phát triển giao tiếp	3	1	2
	22	5	ST2202	Phát triển ngôn ngữ không điển hình ở trẻ nhỏ	3	2	1
	23	6	ST2203	Rối loạn âm lời nói	3	1	2
	24	7	ST2204	Rối loạn ngôn ngữ có nguồn gốc thần kinh	4	2	2
	25	8	ST2205	Rối loạn ngôn ngữ liên quan bệnh lý vùng đầu mặt cổ	2	1	1
	26	9	ST3206	Khuyết tật giao tiếp suốt đời	4	2	2
	27	10	ST3207	Rối loạn nuốt	3	2	1
	28	11	ST3208	Vấn đề ăn uống ở trẻ em	2	1	1
			<b>Kiến thức TỰ CHỌN-Chọn tối thiểu 13 tín chỉ</b>		<b>13</b>	<b>7</b>	<b>6</b>
	29	12	ST3301	Thính học và PHCN thính giác	3	2	1
	30	13	ST3302	Rối loạn vận động tạo lời nói	2	1	1
	31	14	ST3303	Rối loạn ngôn ngữ và đọc viết ở trẻ em tuổi đi học	4	2	2
	32	15	ST3304	Nói lắp	2	1	1
	33	16	ST2305	Rối loạn giọng nói	2	1	1
			PHY3301	Tâm lý lâm sàng	2	2	0
			SOC3302	Xã hội học	2	2	0
			OT3305	Hoạt động trị liệu	3	1	2
			<b>Tổng toàn khoá chuyên ngành NNTL (Tín chỉ)</b>		<b>138</b>	<b>85</b>	<b>53</b>
			<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HĐTL</b>		<b>45</b>	<b>24</b>	<b>21</b>
			<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành HĐTL</b>		<b>14</b>	<b>8</b>	<b>6</b>
	1		OT2101	Sinh cơ học – Vận động học	4	2	2
	2		OT2102	Nguyên lý và Kỹ năng cơ bản Hoạt động trị liệu	5	3	2
	3		OT2103	Lượng giá chức năng trong HĐTL	5	3	2
	<b>2.3.2</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành HĐTL</b>		<b>18</b>	<b>10</b>	<b>8</b>
	4		OT2201	Tổng quan về Hoạt động trị liệu	2	2	0
	5		OT2202	Các phương pháp can thiệp HĐTL	4	2	2
	6		OT2203	HĐTL Ngoại khoa và chỉnh hình	4	2	2
	7		OT2204	Hoạt động trị liệu Thần kinh cơ	4	2	2
	8		OT2205	HĐTL Nội khoa, lão khoa, thần kinh	4	2	2
			<b>PHẦN TỰ CHỌN (Chọn tối thiểu 13 tín chỉ)</b>		<b>13</b>	<b>6</b>	<b>7</b>
	9		OT3301	Chỉnh hình và dụng cụ trợ giúp	3	1	2
	10		OT3302	Hoạt động trị liệu Nhi khoa	4	2	2

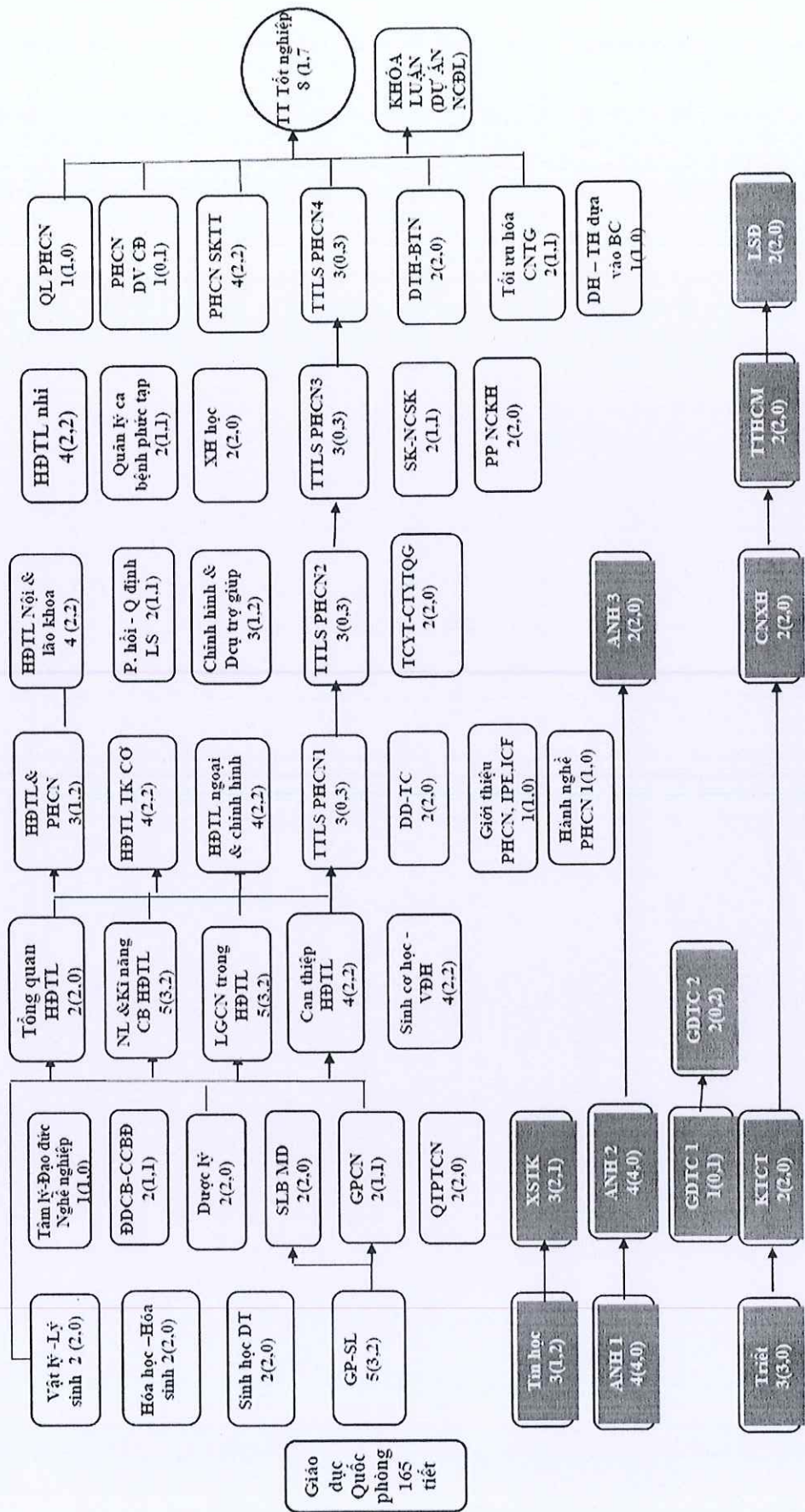
STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ			
			Tổng	LT	TH/LS	
11	OT2303	Hoạt động trị liệu và Phục hồi chức năng	3	1	2	
12	OT4304	PHCN dựa vào cộng đồng	1	0	1	
13	SOC3302	Xã hội học	2	2	0	
	ST3306	Ngôn ngữ trị liệu	3	1	2	
	PHY3301	Tâm lý lâm sàng	2	2	0	
	PT3305	Vật lý trị liệu	3	1	2	
	<b>Tổng toàn khoá chuyên ngành HDTL (Tín chỉ)</b>		<b>138</b>	<b>84</b>	<b>54</b>	
	<b>KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH VẬT LÝ TRỊ LIỆU</b>		<b>45</b>	<b>19</b>	<b>26</b>	
	<b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành VLTL</b>		<b>13</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	
53	1	PT2101	Sinh cơ học – Vận động học	4	2	2
54	2	PT2102	Lượng giá chức năng trong VLTL	3	1	2
55	3	PT2103	Phương thức vật lý trị liệu	3	1	2
56	4	PT2104	Vận động trị liệu	3	1	2
	<b>2.5</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành VLTL</b>		<b>19</b>	<b>9</b>	<b>10</b>
57	5	PT2201	Vật lý trị liệu hệ cơ xương I	4	2	2
58	6	PT2202	Vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ I	4	2	2
59	7	PT2203	Vật lý trị liệu hệ tim mạch - hô hấp	4	2	2
60	8	PT3204	Vật lý trị liệu hệ cơ xương II	2	1	1
61	9	PT3205	Vật lý trị liệu hệ thần kinh cơ II	2	1	1
62	10	PT2206	Bài tập trị liệu 1	3	1	2
	<b>2.6</b>	<b>Kiến thức TỰ CHỌN-Chọn tối thiểu 13 tín chỉ</b>		<b>13</b>	<b>5</b>	<b>8</b>
63	11	PT3301	Vật lý trị liệu bệnh truyền nhiễm, không truyền nhiễm và nhóm bệnh khác	3	1	2
64	12	PT2302	Bài tập trị liệu 2	2	0	2
65	13	PT3303	Vật lý trị liệu chấn thương thể thao	2	1	1
66	14	CDHA3304	Chẩn đoán hình ảnh trong Vật lý trị liệu	2	1	1
67	15	PT3207	Vật lý trị liệu Nhi khoa	4	2	2
68		OT3305	Hoạt động trị liệu	3	1	2
69		ST3306	Ngôn ngữ trị liệu	3	1	2
70		PHY3301	Tâm lý lâm sàng	1	1	0
71		SOC3302	Xã hội học	2	2	0
		<b>Tổng toàn khoá (Tín chỉ)</b>		<b>138</b>	<b>79</b>	<b>59</b>

#### 4. Tiến trình đào tạo

Tiến trình đào tạo khoá 2021-2025 – Cử nhân KI PHCN ( Vật lý trị liệu-141 tin chỉ )

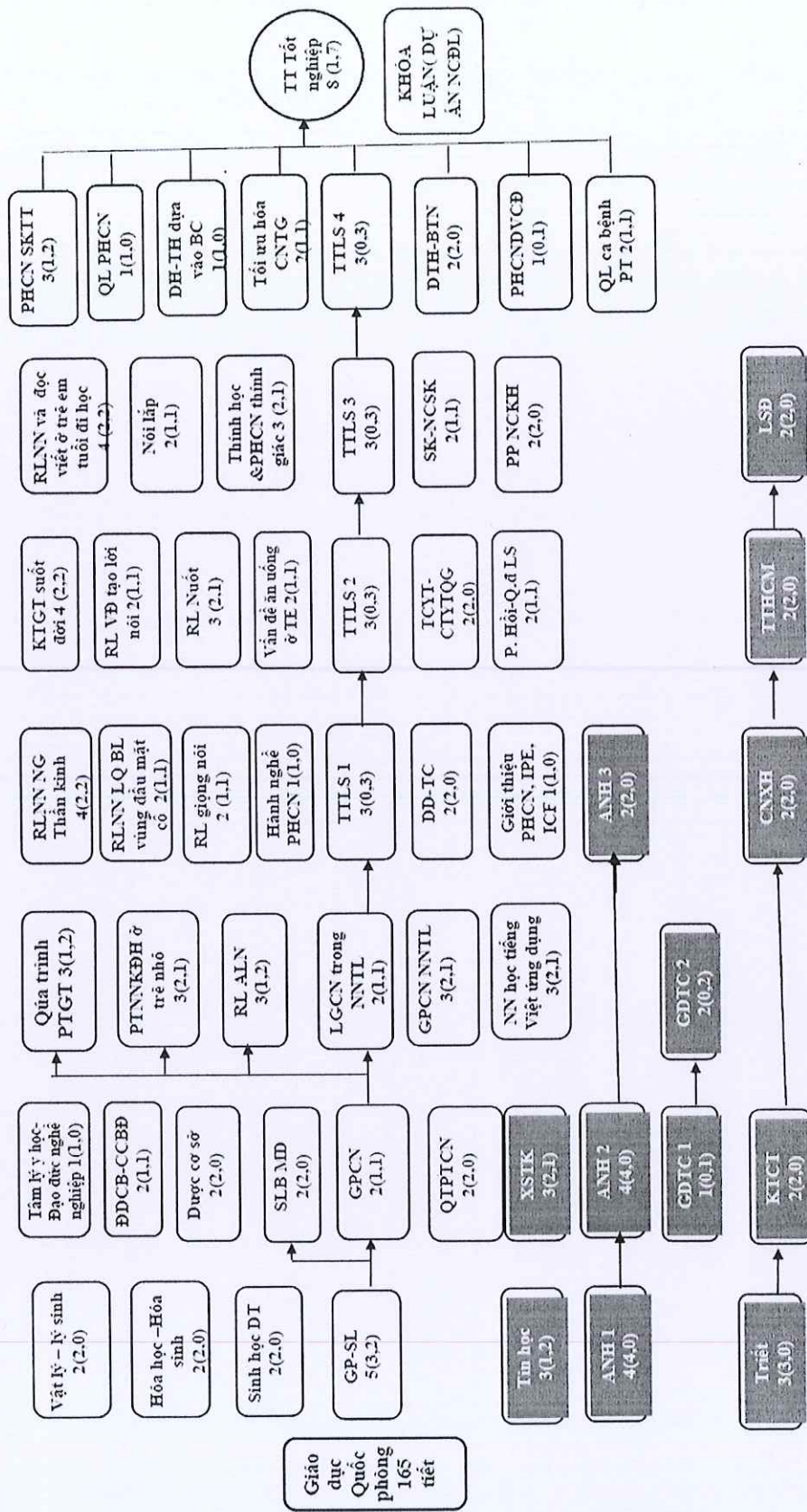


Tiến trình đào tạo Khoa 2021-2025 – Cử nhân KT PHCN (Hoạt động trị liệu-141 tin chỉ)



HKI: 21 TC      HKII: 21 TC      HKIII: 22 TC      HKIV: 20 TC      HKV: 18 TC      HKVI: 17 TC      HKVII: 16 TC      HKVIII: 8 TC

Tiến trình đào tạo khoa 2021-2025 – Cử nhân KT PHCN (Ngôn ngữ tự liệu) - 141 tín chỉ



HKVIII: 8TC

HKVII: 15 TC

HKVI: 18TC

HKV: 20 TC

HKIV: 19 TC

HKIII: 19 TC

HKII: 21 TC

HKI: 21 TC

### 5. Tóm tắt nội dung học phần

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
1.	<b>Triết học Mác – Lênin</b>	Học phần Triết học Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên thế giới quan và phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn trên cơ sở nghiên cứu những nguyên lý, quy luật, phạm trù của chủ nghĩa duy vật biện chứng và những quy luật, những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử và triết học về bản chất con người.	3	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 10% -Thi giữa kỳ 15% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
2.	<b>Kinh tế chính trị Mác – Lênin</b>	Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng XHCN; các quan hệ lợi ích kinh tế trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	2	Kỳ III	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
3.	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	Học phần CNXH Khoa học cung cấp cho sinh viên những quy luật chung nhất về tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng XHCN.	2	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
4.	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH, về chính Đảng của giai cấp công nhân; tư tưởng về nhà nước; về đoàn kết, đạo đức, văn hóa và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng cộng sản Việt Nam	5	V	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.			
5.	<b>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</b>	Học phần cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 – 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020).	2	VI	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (tiểu luận, 15 phút) -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
6.	<b>English 1</b>	Học phần Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên bậc đại học chính quy tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Học phần cung cấp cho sinh viên: <b>Ngữ âm:</b> Cách phát âm theo hệ thống phiên âm quốc tế. <b>Từ vựng:</b> Từ vựng được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày về các chủ đề : bản thân, gia đình, quê hương, đất nước ...; <b>Ngữ pháp:</b> Các loại từ: Tính từ, trạng từ, danh từ, động từ...Các thì trong tiếng Anh: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn và hiện tại hoàn thành. Các dạng câu hỏi: Câu hỏi Yes/ No, câu hỏi có từ để hỏi... Các cấu trúc so sánh của tính từ và trạng từ; Các từ nối, đại từ quan hệ. <b>Kỹ năng:</b> Các bài luyện tập kỹ năng thực hành ngôn ngữ : nghe, nói, đọc, viết.	4	Kỳ I	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 10% Thi giữa kỳ: 15% -Thi: 70% nghe nói đọc viết
7.	<b>English 2</b>	Học phần Tiếng Anh 2 là học phần học phần thứ hai trong chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên bậc đại học	4	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 10%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chính quy tại trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Học phần cung cấp cho sinh viên: Ngữ âm: Cho biết cách phát âm theo hệ thống phiên âm quốc tế. Từ vựng: Từ vựng được sử dụng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày về các chủ đề : danh tiếng, phát minh, khám phá nổi tiếng, tình trạng đau ốm, dấu hiệu &amp; triệu chứng bệnh, thuốc...Ngữ pháp: Các loại từ: Tính từ, trạng từ, danh từ, động từ...Các thì trong tiếng Anh: hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn và hiện tại hoàn thành. Các dạng câu hỏi: Câu hỏi Yes/ No, câu hỏi có từ để hỏi...Các cấu trúc so sánh của tính từ và trạng từ. Các từ nối, đại từ quan hệ. Các dạng câu đặc biệt: câu điều kiện loại 1, 2; câu bị động. Kỹ năng: Các bài luyện tập kỹ năng thực hành ngôn ngữ : nghe, nói, đọc, viết.</p>			<p>-Kiểm tra định kỳ:15% -Thi: 70% nghe nói đọc viết</p>
8.	<b>Tiếng anh chuyên ngành</b>	<p>Học phần Tiếng Anh 3 là học phần cuối cùng trong học phần tiếng Anh dành cho sinh viên không chuyên bậc đại học chính quy tại trường Đại học Kỹ Thuật Y tế Hải Dương. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR), tức bậc 3 theo khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Học phần này giúp phát triển kiến thức, kỹ năng viết và giao tiếp bằng tiếng Anh trong thực hành nghề PHCN. Trong đó, người học sẽ làm quen, hiểu và sử dụng các thuật ngữ y học, các từ, cụm từ viết tắt trong lĩnh vực PHCN. Kỹ năng đọc hiểu, tóm tắt, trình bày, giải thích và dịch tài liệu xuất bản bằng tiếng Anh sẽ được</p>	2	Kỳ IV	<p>- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% nghe nói đọc viết</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		hướng dẫn và thực hành. Bên cạnh đó, học phần cũng chú trọng vào việc phát triển kỹ năng của người học trong việc ghi chép thông tin vào hồ sơ đánh giá và lập kế hoạch điều trị cho người bệnh bằng tiếng Anh.			
9.	<b>Tin học</b>	<p>Học phần Tin học là học phần chung thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật Y học và Y đa khoa. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản tin học văn phòng; Quản lý data và xử lý thống kê cơ bản, giúp sinh viên hiểu rõ về các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường (làm việc với soạn thảo văn bản cơ bản, bảng tính cơ bản, quản lý cơ sở dữ liệu và xử lý thống kê dữ liệu cơ bản); Sử dụng cơ bản một số phần mềm cụ thể, phổ dụng trong thực tế. Học phần bao gồm 3 phần:</p> <p>Phần I: Xử lý văn bản cơ bản (Open Office.Org Writer)</p> <p>Phần II: Sử dụng bảng tính cơ bản (Open Office.Org Calc)</p> <p>Phần III: Phần mềm quản lý CSDL và thống kê dữ liệu (SPSS 20.0)</p>	3	Kỳ I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần: 5%</li> <li>-Thường xuyên: 25%</li> <li>-Thi: 70% máy tính</li> </ul>
10.	<b>Giáo dục thể chất 1</b>	<p>Học phần Giáo dục thể chất 1 - Đại cương cung cấp cho sinh viên kiến thức về lịch sử TDTT; Lý luận và phương pháp GDTC; Các biện pháp phòng ngừa, khắc phục (xử lý) chấn thương trong tập luyện và thi đấu TDTT; Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh, Luật Điền kinh và đặc điểm, tác dụng của tập luyện chạy, tập thể dục tay không. Lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chày. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện bóng chày. Luật</p>	1	Kỳ II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên cần: 10%</li> <li>-Thường xuyên: 30%</li> <li>-Thi: 60% bài thể dục</li> </ul>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		Bóng chuyền. Các kĩ thuật cơ bản: Tư thế chuẩn bị, di chuyển, chuyền bóng cao tay, đỡ (đệm) thấp tay, phát bóng cao tay (nam), thấp tay (nữ), đập bóng, chắn bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.			
11.	<b>Giáo dục thể chất (bóng chuyền)</b>	Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện bóng chuyền. Luật Bóng chuyền. Các kĩ thuật cơ bản: Tư thế chuẩn bị, di chuyển, chuyền bóng cao tay, đỡ (đệm) thấp tay, phát bóng cao tay (nam), thấp tay (nữ), đập bóng, chắn bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn	2	Kỳ III	- Chuyên cần: 10% -Thường xuyên: 30% -Thi: 60%
12.	<b>Giáo dục thể chất (cầu lông)</b>	Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: tư thế chuẩn bị, di chuyển; cầm cầu, cầm vợt, phát cầu; đánh cầu thấp tay; đánh cầu cao tay; đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.	2	Kỳ III	- Chuyên cần: 10% -Thường xuyên: 30% -Thi: 60%
13.	<b>Giáo dục quốc phòng</b>	Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng. Học phần gồm những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo	165 tiết	Kỳ hè	- Chuyên cần: 10% -Thường xuyên: 30% -Thi: 60%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.			
14.	<b>Xác suất thống kê</b>	Nội dung học phần bao gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học nhằm giúp cho công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học.	3	Kỳ II	-Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
15.	<b>Vật lý- Lý sinh</b>	Học phần bao gồm các nội dung khoa học tự nhiên cơ bản, nghiên cứu về các hiện tượng vật lý trên cơ thể sống, nhằm trang bị cho sinh viên xét nghiệm năm thứ nhất: - Các kiến thức Vật lý đại cương trên cơ thể sống: nguyên lý vật lý của sự trao đổi năng lượng trong cơ thể sống (chương 1); các hiện tượng vận chuyển vật chất trong cơ thể sống (chương 2); các hiện tượng điện sinh học (chương 3); các hiện tượng về sóng cơ học và sóng điện từ liên quan đến cơ thể sống (chương 4 và 5); các tác động của phản ứng hạt nhân với cơ thể sống (chương 6); ứng dụng các kiến thức này trong y học và chăm sóc sức khỏe con người. - Bước đầu tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng quan sát và mô tả các hiện	2	Kỳ I	-Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		tượng lí sinh trên cơ thể sống, giải thích và phân tích các hiện tượng, các ứng dụng cơ bản của vật lí trong y học, vận dụng một số kiến thức để chăm sóc sức khỏe con người.			
16.	<b>Sinh học Di truyền</b>	Học phần Sinh học Di truyền cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo tế bào cơ thể người, sự phân chia của tế bào; sự phát triển ở giai đoạn phôi thai người; những yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo giao tử, sự thụ tinh; nguyên nhân, cơ chế phát sinh dị tật bẩm sinh, quái thai và một số thực nghiệm về phôi. Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền, các dạng đột biến gene, sự di truyền các tính trạng bình thường và bất thường (do đột biến gene), một số quy luật di truyền; đặc điểm bộ nhiễm sắc thể của người, đặc điểm một số bệnh thường gặp do đột biến nhiễm sắc thể.	2	Kỳ I	-Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, tình huống tự luận
17.	<b>Hóa học – Hóa sinh</b>	Nội dung gồm kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và các ứng dụng, ý nghĩa y học của chúng. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống, chuyển hoá các chất trong cơ thể sống: Các thành phần hoá học cấu tạo nên cơ thể con người, quá trình chuyển hoá các chất diễn ra trong cơ thể người; các chức phận hoá sinh của gan, thận, máu và các dịch vi sinh khác. Ứng dụng một số tính chất hoá học của các chất trong xét nghiệm sinh hoá máu và nước tiểu.	2	Kỳ I	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi kết thúc: 70%
18.	<b>Giải phẫu – Sinh lý</b>	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu đại thể và vi thể các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về	5	Kỳ I	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		<p>chức năng, hoạt động chức năng và điều hòa hoạt động chức năng của các cơ quan. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khối lượng lớn kiến thức về đại cương môn học, các kiến thức cơ bản về các chi tiết giải phẫu chính của các thành phần thuộc hệ thống các cơ quan trong cơ thể: cơ quan vận động (hệ xương khớp, hệ cơ, hệ thần kinh), hô hấp, tiêu hoá, niệu dục. Các kiến thức cơ bản về cấu tạo giải phẫu cơ quan và liên quan tới một số chức năng chính trong cơ thể. Cung cấp thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương thành phần của các cơ quan để hình thành thái độ của sinh viên trong quá trình học kiến thức.</p> <p>Sinh lý đại cương đề cập đến các nội dung về đặc điểm cơ thể sống và nội môi; sinh lý tế bào; sinh lý máu và dịch thể; chuyển hóa các chất, chuyển hóa năng lượng; quá trình điều nhiệt trong cơ thể. Sinh lý cơ quan và hệ thống cơ quan và điều hòa hoạt động chức năng bao gồm các nội dung về hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể như: hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tiêu hóa, tiết niệu, hệ thống nội tiết, hệ sinh sản, hệ thống thần kinh (chức năng vận động).</p>			-Thi kết thúc: 70%
19.	<b>Sinh lý bệnh – miễn dịch</b>	<p>Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương về bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh rối loạn chuyển hoá các chất, quá trình viêm, quá trình điều nhiệt và một số hệ cơ quan chủ yếu (tuần hoàn, hô hấp, tiêu hoá, thận – tiết niệu). Kiến thức cơ bản về đáp ứng miễn dịch và một số bệnh lý miễn dịch.</p>	2	Kỳ II	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>-Thường xuyên: 25%</p> <p>-Thi: 70% thi test, bài tập tự luận</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
20.	<b>Dược cơ sở</b>	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về dược lý học: Động học của thuốc, tác dụng dược lý, cách sử dụng, bảo quản thuốc thông thường, thuốc thường dùng trong chuyên ngành PHCN, tác dụng không mong muốn của thuốc và cách phòng ngừa và phát hiện tai biến khi dùng thuốc. Hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc an toàn và hiệu quả.	2	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận
21.	<b>Điều dưỡng cơ bản- Cấp cứu ban đầu</b>	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và các kỹ thuật sơ cấp cứu ban đầu, bao gồm vô khuẩn- tiệt khuẩn, vệ sinh đôi tay, đo chỉ số sinh tồn, tiêm thuốc, và sơ cấp cứu một số tai nạn thường gặp (cấp cứu ngừng hô hấp- tuần hoàn, băng vết thương, sơ cứu và cấp cứu nạn nhân chảy máu,...). Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu để tuyên truyền các biện pháp phòng, sơ cứu tai nạn trong sinh hoạt hàng ngày cho người bệnh và cộng đồng.	2	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận
22.	<b>Tâm lý y học- Đạo đức nghề nghiệp</b>	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Y đức, về tâm lý con người, ảnh hưởng của nó đến sức khỏe người bệnh và hoạt động nghề nghiệp của nhân viên y tế. những nguyên tắc cơ bản về đạo đức của người kỹ thuật chuyên ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng khi tiếp xúc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng; trách nhiệm của người kỹ thuật viên y tế khi thực hành nghề nghiệp theo năng lực chuyên môn và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tốt kỹ năng giao tiếp, ứng xử với người bệnh và nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực	1	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		hành nghề nghiệp. Các nguyên tắc cơ bản trong tâm lý học, đạo đức nghề nghiệp trong thực hành PHCN và nghiên cứu khoa học. Học phần cũng sẽ cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của việc trở thành một chuyên gia y tế có đạo đức và có tính chuyên nghiệp. Quy tắc, chuẩn mực của người PHCN trong ngành PHCN nói riêng và ngành Y tế nói chung. Nghĩa vụ, trách nhiệm công dân của người cán bộ y tế đối với người bệnh, người khuyết tật, đối với đồng nghiệp và nhân dân.			
23.	<b>Sức khỏe – nâng cao sức khỏe</b>	Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải học xong các học phần Y học cơ sở <b>Phần sức khỏe môi trường:</b> Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: khái niệm sức khỏe, môi trường, mối quan hệ giữa sức khỏe và bệnh tật của con người với môi trường xung quanh và biện pháp phòng chống; các vấn đề vệ sinh môi trường đất, nước, không khí, lao động, trường học, bệnh viện <b>Phần truyền thông giáo dục sức khỏe:</b> Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các kỹ năng và phương pháp giáo dục sức khỏe, các bước lập kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân tại cộng đồng.	2	Kỳ II	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi lý thuyết: 50% Thi Thực hành 20%
24.	<b>Dinh dưỡng - tiết chế</b>	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về dinh dưỡng, vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thực phẩm; dinh dưỡng hợp lý cho các lứa tuổi: trẻ em, phụ nữ có thai, cho con bú, tuổi dậy thì và người cao tuổi; một số chế độ ăn thường gặp trong bệnh viện; các phương pháp nuôi dưỡng; các phương pháp	2	Kỳ IV	- Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% (mô hình) - Thi: 70% thi test, Tình huống

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		đánh giá tình trạng dinh dưỡng, đánh giá khẩu phần ăn và tư vấn dinh dưỡng cho người bệnh			
25.	<b>Dịch tễ học – Bệnh truyền nhiễm</b>	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, mục tiêu, đối tượng, nội dung của dịch tễ học; Nguyên lý chung phòng chống dịch, công tác điều tra dịch và chống dịch; Tác nhân gây bệnh, cơ chế bệnh sinh, biểu hiện lâm sàng, hướng xử trí các bệnh truyền nhiễm tả, lỵ trực khuẩn, sởi, uốn ván, ho gà, viêm gan virus, viêm não Nhật Bản B, lỵ amip, bạch hầu, thương hàn; Quá trình dịch, đặc điểm dịch tễ học, biện pháp phòng chống dịch các bệnh truyền nhiễm tả, lỵ trực khuẩn, sởi, uốn ván, ho gà, viêm gan virus, viêm não Nhật Bản B, lỵ amip, bạch hầu, thương hàn.	2	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận
26.	<b>Tổ chức y tế - chương trình y tế quốc gia</b>	<b>Phần Pháp luật:</b> Giới thiệu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, kiến thức cơ bản về pháp luật phòng, chống tham nhũng, Luật Khám bệnh, chữa bệnh, Luật Bảo hiểm y tế, Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức trong các cơ sở y tế, quyền và nghĩa vụ của nhân viên y tế khi hành nghề, trách nhiệm pháp lý khi thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật nghề nghiệp. <b>Phần tổ chức quản lý y tế:</b> cung cấp những kiến thức cơ bản chính sách phát triển công tác y tế, hệ thống tổ chức y tế, quản lý y tế. Hình thành bước đầu các kỹ năng cơ bản trong thực hiện các kỹ thuật của chu trình quản lý, chu trình kế hoạch y tế và quản lý dịch vụ y tế. <b>Phần chương trình y tế quốc gia</b> giúp sinh viên có kiến thức cơ bản và phổ cập về một số chương trình y	2	Kỳ V	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		tế quốc gia đang triển khai: mục tiêu của ngành y tế và các giải pháp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; đồng thời cũng cung cấp về mục tiêu, nội dung, giải pháp để thực hiện một số chương trình y tế quốc gia trọng điểm.			
27.	<b>Phương pháp Nghiên cứu khoa học</b>	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về vai trò của nghiên cứu, các bước của quy trình nghiên cứu, chọn vấn đề nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, biến số nghiên cứu, tham khảo và trích dẫn tài liệu liên quan, các phương pháp nghiên cứu, chọn mẫu và cỡ mẫu, các kỹ thuật thu thập số liệu, xử lý và phân tích số liệu, thống kê và trình bày số liệu thống kê, ứng dụng tin học trong xử lý và phân tích số liệu, cách viết báo cáo nghiên cứu khoa học	2	Kỳ VI	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, bài tập tự luận
28.	<b>Giới thiệu về PHCN, IPE và ICF</b>	Học phần cung cấp cho sinh viên tổng quan cơ bản về ngành PHCN trong hệ thống chăm sóc sức khỏe. Mô tả vai trò của PHCN trong phòng chống bệnh tật và chấn thương, chăm sóc sức khỏe và nâng cao sức khỏe. Học phần cũng sẽ cung cấp thông tin về chuẩn đầu ra, chuẩn năng lực của cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Ngôn ngữ trị liệu), mã số, vai trò sau tốt nghiệp ngành PHCN. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp. Đặc biệt, sinh viên sẽ có cơ hội đến thăm và trực tiếp quan sát các chuyên viên PHCN tại nơi làm việc để nâng cao kiến thức và hiểu biết về nghề nghiệp trong tương lai. Học phần trình bày nguyên lý của đào tạo liên chuyên ngành (IPE) và	1	Kỳ IV	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		sử dụng phân loại quốc tế về chức năng, rối loạn và sức khỏe (ICF) trong phạm vi thực hành nghề nghiệp liên quan tới sức khỏe. Sinh viên sẽ được giới thiệu về định nghĩa, mục tiêu của học tập liên chuyên ngành, làm việc nhóm, vai trò của bản thân trong làm việc nhóm. Hiệu quả của hoạt động nhóm như cơ sở của phương pháp lấy người bệnh làm trung tâm trong chăm sóc sức khỏe sẽ được giới thiệu thông qua các trường hợp cụ thể. Phân loại quốc tế về chức năng, rối loạn và sức khỏe giống như mô hình của đánh giá PHCN (NNTL) sẽ được trình bày.			
29.	<b>Giải phẫu chức năng</b>	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giải phẫu chức năng của hệ cơ xương khớp và thần kinh, tập trung vào ứng dụng sinh lý học và chức năng của các nhóm cơ. Vị trí và sự liên quan của hệ xương, chuyển động của khớp, hoạt động của các cơ và sự tham gia của hệ thần kinh trong vận động của cơ thể. Chức năng của các cơ, nhóm cơ, cấu trúc và chức năng hoạt động của hệ thần kinh trung ương và ngoại vi cũng sẽ được xác định để cung cấp cho sinh viên một nền tảng kiến thức liên quan đến phân tích và phục hồi chức năng vận động sau này.	2	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận, mô hình
30.	<b>Quá trình phát triển con người</b>	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức lý thuyết về quá trình phát triển qua các giai đoạn của đời người về các lĩnh vực thể chất, tâm lý từ khi thụ thai, giai đoạn sơ sinh, giai đoạn trẻ em, thanh thiếu niên, người lớn và người cao tuổi. Những sự thay đổi và các ảnh hưởng liên quan đến sự phát triển bình thường của cơ thể trong đó nhấn mạnh đến	2	Kỳ II	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		phát triển vận động và nhận thức trong suốt cuộc đời.			
31.	<b>Hành nghề PHCN</b>	<p>Học phần này cung cấp kiến thức về vai trò của PHCN trong chăm sóc sức khỏe nhân dân tại Việt Nam. Sinh viên sẽ được trang bị những kỹ năng nghề nghiệp để thực tập tại các cơ sở bệnh viện, cách ghi chép tài liệu được trong hệ thống bệnh viện, nhiễm khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn, và thực hành chuyên nghiệp trong phạm vi đã được thiết lập. Phát triển các kỹ năng phản hồi lâm sàng, tiếp nhận phản hồi. Thông qua học phần, sinh viên sẽ thể hiện khả năng tự đánh giá, tự tư duy phản biện, và kỹ năng giải quyết vấn đề một cách chuyên nghiệp trong các tình huống lâm sàng. Chuẩn bị cho sinh viên thực hành nghề nghiệp như một KTV ngôn ngữ thực thụ có đạo đức, có thể đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp cho bệnh nhân và thực hiện những chiến lược nhằm cải thiện dịch vụ và sự hài lòng của bệnh nhân về dịch vụ đó. Học phần này cũng yêu cầu sinh viên thực hành trên lâm sàng ở những học kỳ đầu để nhận thức các vấn đề và các lĩnh vực đạo đức đòi hỏi sự cải thiện chất lượng. Học phần này xây dựng dựa trên sự hiểu biết về khung được cung cấp của lý luận đạo đức và thực hành đạo đức, điều mà sinh viên có thể ứng dụng ở trên lâm sàng giai đoạn sau và trong tương lai khi trở thành KTV ngôn ngữ. Học phần này nhằm mục đích chuẩn bị cho sinh viên đi thực tập trong thời gian tiếp theo và khi hành nghề, giúp sinh viên xác định được các lĩnh vực thực hành lâm sàng cần phải được nâng cao chất lượng và áp dụng được các chiến lược đánh</p>	1	Kỳ IV	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		giá chất lượng, thiết kế và thực hiện các chương trình cải thiện chất lượng chăm sóc y tế.			
32.	<b>Quản lý Phục hồi chức năng</b>	<p>Học phần sẽ tập trung giúp cho người học hiểu và tôn trọng các giá trị làm nền tảng cho thực hành chăm sóc sức khỏe toàn cầu, chính sách, quy định của các dịch vụ y tế tại Việt Nam. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nhận biết được vai trò của quy tắc và tính chuyên nghiệp trên phạm vi toàn cầu và quốc gia, và những đóng góp của các nhà PHCN có thể thực hiện thông qua việc quản lý và lãnh đạo hiệu quả các chính sách và hệ thống y tế và kinh tế, cũng như cải thiện sức khỏe của người dân.</p> <p>Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên: hiểu rõ về hệ thống tổ chức, chức năng nhiệm vụ của bệnh viện/trung tâm/khoa Phục hồi chức năng; chức năng nhiệm vụ của nhân viên khoa Phục hồi chức năng; các nội dung cơ bản quy định về các chế độ trong khoa PHCN, các quy định về PHCN, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của người quản lý trong PHCN</p>	1	Kỳ VII	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>-Thường xuyên: 25%</p> <p>-Thi: 70%</p> <p>câu hỏi tự luận</p>
33.	<b>Dạy và học - Thực hành dựa vào bằng chứng</b>	<p>Trong Học phần này, sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng để học tập suốt đời, bao gồm phản ánh kết quả hoạt động, xác định nhu cầu học tập và phát triển kế hoạch học tập và đánh giá đồng nghiệp. Sinh viên được tìm hiểu về cách tự học tập và các kỹ thuật tạo điều kiện học tập, bao gồm cả các phong cách giảng dạy. Sinh viên sẽ học thông qua các hoạt động học tập tích cực và đóng vai (Chuyên viên PHCN là người học và người dạy. Để đạt được và duy trì năng lực, họ tham gia vào việc học tập suốt đời. PHCN liên</p>	1	Kỳ VII	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>-Thường xuyên: 25%</p> <p>-Thi: 70%</p> <p>thi test, câu hỏi tự luận</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		<p>quan đến việc hướng dẫn và cố vấn cho người sử dụng dịch vụ y tế, người chăm sóc, sinh viên và đồng nghiệp và do đó năng lực liên quan phải được phát triển.)</p> <p>Học phần giúp người học hiểu được định nghĩa thực hành dựa vào bằng chứng (EBP), giá trị cũng như mối liên quan của EBP với thực hành nghề PHCN. Trong học phần này sinh viên sẽ trang bị kiến thức về phân loại chứng cứ, các cấp độ tin cậy của chứng cứ và làm thế nào để tìm kiếm các nghiên cứu, nhận định và đánh giá các tài liệu đó một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, người học sẽ được thực hành về việc thẩm định các chứng cứ đã tìm kiếm được cũng như các chiến lược để xác định những nghiên cứu có tính giá trị cao được áp dụng trong việc ra quyết định trong thực hành lâm sàng.</p>			
34.	<b>Quản lý ca bệnh phức tạp</b>	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức lý thuyết về các dạng bệnh mức độ nặng và phối hợp nhiều khiếm khuyết: nguyên nhân, dịch tễ, lâm sàng, tiên lượng, tiến triển. Khái quát lại cho sinh viên các phương pháp lượng giá đã học trước và giới thiệu một số kỹ thuật lượng giá nâng cao, kỹ năng lập kế hoạch can thiệp cho những ca bệnh phức tạp. Sinh viên sẽ áp dụng kỹ năng tự phản ánh, phản biện lại quá trình thực hiện kế hoạch và cho điểm, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch. Áp dụng khung ICF và các tài liệu nghiên cứu dựa trên bằng chứng vào việc quản lý những người bệnh này. Nhấn mạnh vai trò của chuyên viên NN TL như một phần của nhóm chăm sóc đa ngành khi điều trị những người bệnh có tình trạng phức tạp và nghiêm trọng.</p>	2	Kỳ VII	<p>Chuyên cần: 5%</p> <p>-Thường xuyên: 25%</p> <p>-Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận</p>

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
35.	<b>Tối ưu hóa chức năng tham gia</b>	Học phần này sẽ tập trung vào các chiến lược PHCN để tối ưu hóa sự tham gia chức năng ở những người khuyết tật. Mục đích chính của PHCN là duy trì hoặc cải thiện hoạt động và tính độc lập của một cá nhân để tạo điều kiện tham gia và nâng cao sức khỏe tổng thể. Ví dụ về các thiết bị và công nghệ trợ giúp bao gồm xe lăn, chân tay giả, nẹp (chỉnh hình), thiết bị trợ thính, thiết bị trợ giúp trực quan và phần mềm và phần cứng máy tính chuyên dụng, giúp tăng cường chức năng, khả năng vận động, thính giác, thị lực hoặc khả năng giao tiếp và sự tham gia xã hội của một người có khuyết tật.	2	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận
36.	<b>Phản hồi và ra quyết định lâm sàng</b>	Phản hồi lâm sàng là một phần quan trọng của việc học hỏi từ kinh nghiệm và là trung tâm để đưa ra quyết định tốt. Học phần sẽ khám phá tầm quan trọng của phản hồi lâm sàng như một phần của việc học trong thực hành vật lý trị liệu. Đặc biệt, học phần sẽ tập trung vào tầm quan trọng của việc thể hiện sự tự phản ánh như một thành phần của thực hành nghề nghiệp để hỗ trợ việc ra quyết định lâm sàng hiệu quả. Thực hành phản hồi lâm sàng là một phần quan trọng để duy trì năng lực chuyên môn của kỹ thuật viên PHCN.	2	Kỳ V	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận
37.	<b>Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng</b>	Học phần này khảo sát vai trò của chuyên viên NNTL trong cộng đồng bằng cách cung cấp cho sinh viên kiến thức về cách thực hiện và tổ chức các khóa đào tạo, các phương pháp giảng dạy, quản lý điều hành, giám sát và đánh giá các chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng (PHCNDVCD).	1	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận



STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
38.	<b>PHCN sức khỏe tâm thần</b>	Học phần này cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến định nghĩa cơ bản về sức khỏe tâm thần và các rối loạn sức khỏe tâm thần, cách tiếp cận PHCN dành cho người bệnh có biểu hiện rối loạn sức khỏe tâm thần. Các bệnh lý, đặc điểm lâm sàng, sự tiến triển của một số rối loạn sức khỏe tâm thần thông thường và bệnh tâm thần. Nguyên tắc điều trị rối loạn sức khỏe tâm thần, tác dụng phụ của chúng và việc ngăn ngừa tái phát ở các bệnh tâm thần mãn tính.	3	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% thi test, câu hỏi tự luận
39.	<b>Thực tập LS PHCN 1</b>	Học phần này sẽ cho phép sinh viên phát triển các kỹ năng vật lý trị liệu trong thực hành lâm sàng. Dưới sự giám sát và hỗ trợ của các giảng viên lâm sàng, sinh viên sẽ thể hiện các kỹ năng phỏng vấn người bệnh, khám, lượng giá và thực hiện can thiệp cho một loạt các người bệnh sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên bằng chứng. Sinh viên cũng sẽ phát triển các kỹ năng để giao tiếp hiệu quả với nhóm chăm sóc sức khỏe, người bệnh và gia đình người bệnh.	3	Kỳ IV	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% Quy trình kỹ thuật, câu hỏi vấn đáp
40.	<b>Thực tập LS PHCN 2</b>	Học phần này sẽ cho phép sinh viên phát triển các kỹ năng vật lý trị liệu trong thực hành lâm sàng. Dưới sự giám sát và hỗ trợ của các giảng viên lâm sàng, sinh viên sẽ thể hiện các kỹ năng phỏng vấn người bệnh, khám, lượng giá và thực hiện kỹ thuật vật lý trị liệu cho một loạt các người bệnh mắc bệnh thuộc hệ thần kinh, hệ tim mạch hô hấp và hệ cơ xương khớp (giai đoạn cấp tính và bán cấp) thường gặp sử dụng phương pháp thực hành dựa trên bằng chứng. Sinh viên có khả năng đưa ra lý luận lâm sàng hỗ trợ cho	3	Kỳ V	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% Quy trình kỹ thuật, câu hỏi vấn đáp

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		quyết định điều trị trên lâm sàng. Sinh viên tiếp tục phát triển các kỹ năng để giao tiếp hiệu quả với nhóm chăm sóc sức khỏe, người bệnh và gia đình người bệnh.			
41.	<b>Thực tập lâm sàng PHCN 3</b>	Trong môn học này, sinh viên sẽ được cải thiện và phát triển thêm về các kỹ năng vật lý trị liệu trong thực hành lâm sàng. Dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên lâm sàng, sinh viên sẽ lượng giá và tham gia trị liệu các dạng người bệnh liên quan tới thần kinh cơ, cơ xương, và một số dạng bệnh lý nhi khoa thông thường. Sinh viên sẽ phát triển thêm các kỹ năng giao tiếp với đội ngũ nhân viên y tế, người bệnh và gia đình người bệnh.	3	Kỳ VI	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% Quy trình kỹ thuật, câu hỏi vấn đáp
42.	<b>Thực tập LS PHCN 4</b>	Học phần này giúp phát triển hơn nữa các kỹ năng và sinh viên có khả năng thực hiện thành thạo các kỹ thuật vật lý trị liệu trong thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Đối với những ca bệnh mới, khó và phức tạp, sinh viên được thực hành dưới sự giám sát của giảng viên lâm sàng và giảng viên thỉnh giảng. Sinh viên vận dụng các lý luận lâm sàng để nâng cao kỹ năng đánh giá và điều trị vật lý trị liệu với những người bệnh có vấn đề về thần kinh cơ, cơ xương khớp và một số bệnh nhi khoa. Sinh viên thể hiện các kỹ năng phân tích vấn đề để lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp can thiệp một cách hiệu quả dựa trên các bằng chứng y văn nhằm giải quyết các mục tiêu của người bệnh. Sinh viên được phát triển các kỹ năng chuyên môn trong giao tiếp hiệu quả bằng lời và bằng văn bản với nhóm chăm sóc sức khỏe, người bệnh và người nhà người bệnh.	3	Kỳ VII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% Quy trình kỹ thuật, câu hỏi vấn đáp

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
43.	<b>Thực tập tốt nghiệp:</b>	<p>Là học phần thực hành lâm sàng cuối cùng của khóa đào tạo trước khi sinh viên ra trường. Với học phần này, sinh viên sẽ có cơ hội thực tập tại các bệnh viện tuyến trung ương để rèn luyện tay nghề và hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng. Sinh viên sẽ được thực hành tại một môi trường chuyên nghiệp mới. Sinh viên cũng sẽ có cơ hội thảo luận về cuộc sống sau khi tốt nghiệp. Các nội dung được thảo luận có thể là những gợi ý thiết thực cho việc tìm kiếm một công việc, sự phát triển chuyên môn liên tục và tiếp cận các cơ hội hỗ trợ chuyên môn (giám sát, cố vấn, các nhóm hỗ trợ đồng đẳng).</p> <p>Học phần thực tập này kéo dài trong 14-18 tuần. Yêu cầu với sinh viên là có khả năng tiếp nhận bất kỳ trường hợp ca bệnh nào, có thể là người lớn hoặc trẻ em, hoặc cả hai. Sinh viên sẽ tiếp cận lượng giá, can thiệp và quản lý được ca bệnh có độ phức tạp vừa phải, và có thể tiếp nhận các ca bệnh có độ khó tăng dần lên (cả trong lâm sàng và về khía cạnh xã hội). Sinh viên sẽ có cơ hội tham gia vào nhiều công việc lâm sàng, không chỉ là điều trị trực tiếp cho bệnh nhân. Mức độ giám sát thực tập sẽ giảm dần và sinh viên sẽ tham gia nhiều hơn và độc lập hơn vào các hoạt động tự phản ánh và giải quyết vấn đề. Đến cuối kỳ thực tập, sinh viên sẽ đạt được mức độ năng lực chuyên môn và lâm sàng đáp ứng chuẩn đầu ra của một cử nhân kỹ thuật PHCN (Vật lý trị liệu).</p>	5	Kỳ VIII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70% Quy trình kỹ thuật, câu hỏi vấn đáp
44.	<b>Thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp</b>	<p>Theo quy định hiện hành của nhà trường, các sinh viên có điểm trung bình trung dưới loại khá sẽ tham dự kỳ thi tốt nghiệp tay nghề (lâm sàng) để đảm bảo chất lượng đào</p>	3	Kỳ VIII	Chuyên cần: 5% -Thường xuyên: 25% -Thi: 70%

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số TC	Lịch trình GD	Phương pháp đánh giá SV
		<p>tạo. Những sinh viên có điểm trung bình loại khá trở lên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp và báo cáo khóa luận (<i>giống đề tài nghiên cứu độc lập</i>). Tuy nhiên, bộ môn VLTL, khoa PHCN xin ý kiến của nhà trường yêu cầu tất cả sinh viên đều làm khóa luận.</p> <p>Học phần tập trung vào việc phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong đó, những nội dung học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học sẽ được phát triển thêm và kết hợp với nhau trong việc thiết kế một dự án nghiên cứu. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học lý thuyết liên quan đến phương pháp thu thập dữ liệu định tính, định lượng và các kỹ thuật phân tích dữ liệu bao gồm lý thuyết nền tảng (Grounded Theory), phân tích nội dung (Content Analysis), và phân tích chủ đề (Thematic Analysis). Sinh viên sẽ học cách phân biệt giữa nghiên cứu và nghiên cứu thử nghiệm từ đó thiết kế một dự án nghiên cứu độc lập.</p>			thi test, câu hỏi tự luận

## 6. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

### 6.1. Các môn học chung

bắt buộc do Bộ Giáo dục & Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

### 6.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- 01 tín chỉ được tính tương đương 45 giờ bao gồm: tối thiểu bằng 15 giờ lý thuyết; 30-30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thảo luận, thực tập tại các phòng thí nghiệm và 15-20 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45-50 giờ thực tập tại bệnh viện, làm tiểu luận, bài tập lớn và tính 01-05 giờ kiểm tra đánh giá, thi và trả bài thi kiểm tra kết thúc học phần.
- Được thể hiện cụ thể trong đề án tuyển sinh hàng năm và đề cương chi tiết từng môn học được Hiệu trưởng phê duyệt vào đầu mỗi khóa học.

### 6.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Theo quy chế đào tạo được Nhà trường quy định.

#### **6.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:**

##### **6.4.1. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo; không có học phần bị điểm dưới 5;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- d) Điểm của các học phần thuộc ngành đào tạo chính được quy định trong chương trình phải đạt từ 6,0 trở lên;
- đ) Có chứng chỉ Tiếng anh, Tin học; Giáo dục quốc phòng – an ninh và Giáo dục thể chất theo quy định

**6.4.2. Công nhận tốt nghiệp:** Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường.

##### **6.5. Các chú ý khác**

##### **6.5.1. Thực tập phòng thí nghiệm và phòng thực hành tiền lâm sàng**

- Tổ chức thực tập tại phòng thí nghiệm và tiền lâm sàng phải theo quy chế của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên, mục tiêu đào tạo của bác sỹ đa khoa có yêu cầu thực hành cao, do đó để đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường có thể quy định điểm kết thúc mỗi môn học/ học phần là điểm độc lập (lý thuyết, thực tập riêng) hoặc là điểm tổng hợp của điểm lý thuyết và điểm thực tập nhưng từng phần đều phải đạt.

- Thực hành tiền lâm sàng: Tại các phòng thực tập/ thí nghiệm của các khoa, trung tâm huấn luyện kỹ năng lâm sàng trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

##### **6.5.2. Thực hành bệnh viện**

Có kế hoạch đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện sau khi đã học xong các môn cơ sở ngành. Bố trí đưa sinh viên đi thực hành bệnh viện bắt đầu vào học kỳ IV.

- Thực hành bệnh viện: Tại các khoa của các bệnh viện thực hành của trường y, các cơ sở y tế của địa phương.

##### **6.5.3. Kế hoạch triển khai thực tập tốt nghiệp**

- Thực tập tốt nghiệp: Tại các khoa PHCN của bệnh viện tuyến Trung ương như Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Phục hồi chức năng Trung Ương, Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Nội, và Trung tâm PHCN Bệnh viện Bạch Mai

- Học phần thực tập tốt nghiệp với khối lượng 5-8 tín chỉ

Thời gian thực tập tốt nghiệp từ: **14-18 tuần**

Tổ chức thi thực hành tay nghề: **01 tuần**

- Quy định về kết quả đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp

Điểm học phần thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình chung của 2 phần: Điểm kết thúc phần học tại cơ sở thực tập tốt nghiệp và điểm thi thực hành tay nghề tại trường.

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**  
**HIỆU TRƯỞNG**



**Đinh Thị Diệu Hằng**